Tiết…56…  **BÀI 5 NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI**

**(Hài kịch)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

- HS biết cách đọc hiểu một văn bản hài kịch:

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng, ...

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

+ Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

- Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị về một văn bản của đời sống.

- HS trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

**2. Phẩm chất**

Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị**

**-** Máy tính   
- Ti vi - Phiếu học tập   
- Bảng phụ  **2. Học liệu**

SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **PP vấn đáp:**  **Cách 1:** GV cho HS xem một đoạn phim hài Saclo: *Saclo làm loạn cả sở thú* theo đường link: [**https://youtu.be/S9AnXkiMlOM?si=PrRZZeeJ1DLN\_pkv**](https://youtu.be/S9AnXkiMlOM?si=PrRZZeeJ1DLN_pkv)  Chia sẻ những điều khiến em cười khi xem đoạn phim trên? Theo em, tiếng cười có ý nghĩa như thế nào trong đời sống?  **Cách 2:**  Em đã xem những tác phẩm phim hài, kịch hài nào? Em hãy chia sẻ với các bạn cảm nhận của mình về một nhân vật hoặc một cảnh thú vị từ tác phẩm đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và trả lời.  - GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **\*Dự kiến sản phẩm:** HS chia sẻ suy nghĩ của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài:**  *Qua bài học 4, chúng ta đã hiểu được vai trò quan trọng của tiếng cười đối với con người và đời sống. Ngoài truyện cười, tiếng cười còn được thể hiện qua những thể loại văn học khác. Cụ thể là trong bài học 5 này, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về thể loại hài kịch. Qua một số văn bản hài kịch như “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”, “Cái chúc thư”, “Thuyền trưởng tàu viễn dương”,... các em sẽ hiểu thêm về đặc điểm, giá trị của tiếng cười trong cuộc sống. Văn bản đầu tiên mà cô trò chúng ta tìm hiểu ngày hôm nay là văn bản “Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục” (Mô-li-e)* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Tìm hiểu tri thức Ngữ văn và trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV kiểm tra việc hoàn thành PHT 01 ở nhà của HS.  - Hs thảo luận cặp đôi, hoàn thiện PHT 01.  **PHT 01: (**HS thực hiện ở nhà)  **TÌM HIỂU HÀI KỊCH, CĂN CỨ XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRONG VĂN BẢN**  Em hãy đọc kĩ phần *hài kịch, căn cứ xác định chủ đề của văn bản* ở mục *Tri thức Ngữ văn* để hoàn thành các bài tập sau:  **1. Khái niệm hài kịch**  Hài kịch là thể loại........................................................................................................................................................................................  **2. Đặc điểm của hài kịch**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố trong hài kịch** | **Đặc điểm** | | Nhân vật của hài kịch |  | | Hành động trong hài kịch |  | | Xung đột kịch |  | | Lời thoại |  | | Lời chỉ dẫn sân khấu |  | | Thủ pháp trào phúng |  |   **3. Căn cứ xác định chủ đề của văn bản**  Để xác định chủ đề của tác phẩm văn học, cần dựa trên nhiều yếu tố như:...............................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................................................  (trong tác phẩm thơ);.................................... ...(trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận trong 3 phút  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Các cặp đôi lần lượt hoàn thành PHT 01 trong tờ A0 mà GV đã chuẩn bị (1 cặp đôi 1-2 mục trong PHT) hoặc sử dụng hình thức hỏi – đáp để hoàn thành PHT.  - Các cặp khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV chuẩn hoá kiến thức:  - Khái niệm hài kịch.  - Đặc điểm của thể loại hài kịch  - Chủ đề và căn cứ để xác định chủ đề của tác phẩm văn học. | **I. Tri thức Ngữ văn về VB hài kịch**  **1. Khái niệm**  *- Hài kịch* là một thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người.  **2. Đặc điểm của thể loại hài kịch**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố trong**  **hài kịch** | **Đặc điểm** | | *Nhân vật của hài kịch* | Là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu. | | *Hành động trong hài kịch.* | + Là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ,...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch.  + Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công – phản công; thăm dò – lảng tránh; chất vấn – chối cãi; thuyết phục – phủ nhận/bác bỏ; cầu xin – từ chối;... | | *Xung đột kịch* | + Xung đột kịch thường nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực.  + Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái thấp kém,... | | *Lời thoại* | Là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển. | | *Lời chỉ dẫn sân khấu* | Là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cửchỉ, cách nói năng của họ,... | | *Thủ pháp trào phúng* | Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như phóng đại tính phi lô-gic, tính không hợp tình thế trong hành động của nhân vật (hành động, lời nói, cử chỉ, trang phục,...); các thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai; lối nói hóm hỉnh, lối chơi chữ, lối nói nghịch lí,... |   **3. Căn cứ để xác định chủ đề**  - Chủ đề là vấn đề chính mà tác giả muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống.  - Để xác định chủ đề của tác phẩm văn học, cần dựa trên nhiều yếu tố như: nhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn từ, thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình (trong tác phẩm thơ); cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột,...(trong tác phẩm truyện). |

Tiết …57… VĂN BẢN 1 **ÔNG GIUỐC – ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

**Mo-li- e (Molière )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu chung về đoạn trích *Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục*** | |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả Mô-li-e và tác phẩm *Trưởng giả học làm sang***  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hướng dẫn HS hoạt động nhómvới **kĩ thuật đóng vai**  - GV giao nhiệm vụ cho HS  đóng vai MC truyền hình để giới thiệu về tác giả Mô-li-e và vở kịch *Trưởng giả học làm sang*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS giới thiệu trước nhóm, tổ  - Đại diện nhóm trình bày trong vai MC để giới thiệu về tác giả Mô-li-e và vở kịch *Trưởng giả học làm sang*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS khác nghe, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**    - **GV mở rộng:** Mô-li-e thường xuyên thể nghiệm, chuyển thể và sáng tạo ra những hình thức mới cho kịch.  - Tác phẩm của ông đề cập đến nhiều vấn đề của đời sống đương thời cũng như hiện tại: quan hệ của cha mẹ và con cái, hôn nhân và gia đình, giáo dục, đạo đức xã hội (thói háo danh, kiêu ngạo, thói giả nhân giả nghĩa…), những vấn đề về tôn giáo, văn hóa, khoa học vv... Ông có sự ảnh hưởng rất lớn đến kịch nghệ không chỉ của Pháp mà của cả thế giới.  **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  (1) **Đọc:**  - **Cách 1**: GV có thể cho HS đọc VB ở nhà và kiểm tra thông qua các câu hỏi nhanh:  + *Tóm tắt nội dung văn bản: Văn bản kể lại, việc sự việc gì? Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh nào sự việc ấy có gì đáng buồn cười?*  + Đọc diễn cảm một số đoạn văn. Giáo viên cũng có thể dựa vào một số câu. Để kiểm tra việc đọc của học sinh. Đoán đoạn văn in nghiêng ở giữa VB có nhiệm vụ gì? Chú ý tên các nhân vật.  - **Cách 2**:  + GV cho HS đọc theo hình thức phân vai:  + Chú ý đọc từ khó ở chân trang:  **(2) Hoạt động thảo luận nhóm bàn, mỗi bàn 1 nhóm:** Giới thiệu về đoạn trích *Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục theo* **phiếu học tập số 02**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện nhiệm vụ đọc theo yêu cầutrao đổi với bạn về kiến thức chung của VB theo PHT 02.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Trình bày thông tin cơ bản về văn bản  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  HS cần ghi chép nhanh các thông tin chính về tác giả, VB. Sau đó GV tổng kết lại các ý chính  **GV bổ sung thêm (nếu cần)**  Chân dung nhà văn Mô-li-e  - Tóm tắt vở kịch: *Trưởng giả học làm sang.*  - Bối cảnh nước Pháp thế kỉ XVII | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả Mô-li-e**  - Là nhà soạn kịch nổi tiếng của Pháp, tác giả của những vở hài kịch *Lão hà tiện, Trưởng giả học làm sang, Người bệnh tưởng,...*  - Là một diễn viên và thường đóng một số vai chính trong một số vở kịch của chính mình.  **2. Vở kịch *Trưởng giả học làm sang***  - **Thời điểm sáng tác**: năm 1670, gồm năm hồi.  - **Tóm tắt vở kịch**: *Trưởng giả học làm sang* (SGK)  **- Thể loại:** Hài kịch  **- Bối cảnh tác phẩm**: Ông đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp thế kỷ XVII vô cùng sinh động và chân thật: những gã trọc phú học đòi quý tộc một cách ngu ngốc, ngô nghê, kệch cỡm, những tên quý tộc kiểu cách rởm đời, giả dối, xảo trá, tham lam.  **3. Văn bản: “*Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục*”**  **a. Đọc, tìm hiểu từ khó**  - Đọc VB.  - Đọc chú thích ở chân trang, sgk (tr.99, 100, 101, 102)  **b. Tìm hiểu chung văn bản**  **- Vị trí:** Văn bản là lớp kịch kết thúc hồi II trong vở kịch *Trưởng giả học làm sang*  **- Cốt truyện:** Xoay quanh việc ông Giuốc đanh mặc lễ phục.  **- Bối cảnh đoạn trích:** Tại nhà của ông Giuốc-đanh.  **- Đề tài**: Tái hiện chân thật một bộ phận xã hội Pháp thế kỉ XVII: Những gã trọc phú học đòi quý tộc một cách ngu ngốc, ngô nghê, kệch cỡm. Từ đó, đề cao giá trị đích thực của mỗi cá nhân.  **- Tóm tắt văn bản:** Nhân vật trung tâm của vở kịch là ông Giuốc- đanh, tuổi ngoài bốn mươi, con một nhà buôn giàu có. Tuy dốt nát, quê kệch nhưng ông muốn học đòi làm sang, Nhiều kẻ lợi dụng tính cách đó, săn đón, nịnh ông để moi tiền. Một trong những việc “học làm sang” của lão là muốn may cho mình một bộ lễ phục sang trọng khẳng định vị trí xã hội thượng lưu của mình. Trong đoạn trích là cảnh tên phó may cùng với bốn thợ phụ đã kéo đến để mặc thử lễ phục cho lão. Nhưng vì thiếu hiểu biết, dốt nát nên lão trở thành nạn nhân của thói học đòi: bị ăn bớt vải, bộ lễ phục bị may hỏng. Chúng biết được sự “ham” sang của lão nên đã không tiếc lời tâng bốc nào là “ông lớn”, “cụ lớn” rồi đến “đức ông” khiến lão vô cùng vui sướng. Sự ngờ nghệch đó đã khiến lão phải bị mất đi bao nhiêu tiền cho bọn nịnh hót, săn đón mình.  - **Bố cục: 2 phần:**  **+ Phần 1** (Từ đầu đến “theo cách thức mặc cho các nhà quý phái”): Ông Giuốc-đanh và phó may.  **+ Phần 2** (còn lại): Ông Giuốc-đanh và bốn chú thợ phụ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **PHT 03: Nhận diện các chỉ dẫn sân khấu trong VB “*Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”***  ***NV1:* Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình thức trình bày kịch bản và các chỉ dẫn sân khấu**  **\*HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV chiếu PHIẾU HỌC TẬP 03**  **HS thực hiện nhóm theo phiếu số 03**  - *Quan sát văn bản đã chỉ ra cách trình bày kịch bản có gì khác với cách trình bày ở truyện ngắn, kí hoặc thơ.*  *- Nhận biết các chỉ dẫn sân khấu (các cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn; đoạn văn in nghiêng) và chức năng của các chỉ dẫn ấy.*  GV chiếu phiếu học tập số 03 ->HS thảo luận theo **kĩ thuật bể cá**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Tổ chức cho HS thảo luận theo kĩ thuật bể cá.  - GV quan sát, khích lệ HS.  - Câu hỏi phụ (nếu cần gợi dẫn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi đại diện 1 vài HS trả lời.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.  ***NV2:* Các đặc điểm của hài kịch thể hiện trong đoạn trích**  **\* *Thao tác 1:* Tìm hiểu yếu tố nhân vật trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HS thảo luận cặp đôi, và thực hiện yêu cầu:** Liệt kê tên các nhân vật trong VB và cho biết:  - Các nhân vật ấy là hiện thân cho “cái cao cả” hay “cái thấp kém”?  - Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* *Thao tác 2:* Tìm hiểu yếu tố hành động, xung đột và các thủ pháp trào phúng trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Cả lớp chia thành 4 nhóm:**  **- Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu hành động và xung đột kịch qua việc hoàn thành **PHT 04.**  **- Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu thủ pháp trào phúng qua việc hoàn thành **PHT 05**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận nhóm trong 7 phút.  - Trình bày sản phẩm ra tờ A0.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ***NV3: Tìm hiểu về các nhân vật trong đoạn trích***  **\* Thao tác 1: Tìm hiểu nhân vật ông Giuốc-đanh**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV phát phiếu trả lời câu hỏi phiếu số 06 (Tìm hiểu nhân vật ông Giuốc - đanh) để HS điền nội dung câu trả lời.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  CH tháo gỡ kk:  *- Khái quát về nhân vật ông Giuốc-đanh. Nêu hành động, ngôn ngữ của ông Giuốc-đanh và nhận xét.*  *- Nhận xét về đặc điểm tính cách nhân vật ông Giuốc - đanh. Từ đó, tác giả muốn khắc họa bức tranh nước Pháp thế kỉ XVII ra sao? (câu hỏi dành cho HS giỏi)*  Gv quan sát hỗ trợ, HS vừa thảo luận vừa ghi chép  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **GV**  - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chuẩn hóa kiến thức.  **\* Thao tác 1: Tìm hiểu nhân vật phó may và thợ phụ trong VB**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  HS tóm lược ngắn gọn: vai trò, hành động, ngôn ngữ và đưa ra nhận xét về đặc điểm tính cách của các nhân vật phó may, thợ phụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **GV mời 2 - 4 HS trả lời câu hỏi**  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV chuẩn hóa kiến thức.  ***NV4:* Tìm hiểu về ý nghĩa đoạn trích**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  *- Xác định chủ đề của VB.*  *- Ý nghĩa phê phán và thông điệp mà VB muốn gửi gắm đến người đọc là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV cho HS tự do phát biểu để trình bày chủ đề, ý nghĩa và thông điệp của VB.  - HS ghi lại câu trả lời của mình  - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo, chia sẻ - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **III. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  **1. Hình thức trình bày kịch bản và các chỉ dẫn sân khấu**  **\* Kịch bản được trình bày chủ yếu:**  Nêu tên hệ thống nhân vật, lời thoại của mỗi nhân vật và các chỉ dẫn sân khấu  **\* Các chỉ dẫn sân khấu trong VB:**  - Các cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: “Ông Giuốc -đanh *(nhìn áo của bác phó may)...*”, “Ông Giuốc - đanh *(nói riêng)...*” là lời của tác giả, người viết kịch bản.  => Tác dụng: gợi ý, chỉ dẫn việc ra, vào sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên; cách bài trí sân khấu,...  - Đoạn văn in nghiêng:  + Ở giữa VB: *“Bốn chú thợ phụ ra, hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiếm vừa rồi...tất cả đều theo nhịp dàn nhạc.”*  + Ở cuối VB: *“Bốn người thợ phụ vui mừng nhảy múa”*  *­­*=> Chức năng của đoạn văn:  - Chỉ dẫn việc tổ chức hoạt động của diễn viên trên sân khấu như chỉ dẫn thời điểm ra sân khấu của ‘bốn chú thợ phụ”, hành động họ cần thực hiện (*hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới vào cho ông);* hành động mà diễn viên diễn vai ông Giuốc-đanh cần diễn tả (*đi lại giữa đám thợ, phô áo mới cho họ xem có được không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc)*  - Tác dụng như một màn kịch không lời tập trung thể hiện chủ đề *“ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”,* để phô bày một cách tập trung tính cách lố bịch, nhố nhăng trong hành động của các nhân vật, nhất là ông Giuốc-đanh.  + Đoạn văn là một lớp hài kịch/một cảnh quan trọng cho thấy sự sáng tạo độc đáo, đầy dụng ý và hiệu quả của Mô-li-e, nếu thiếu đi cảnh này thì tiếng cười sẽ kém phần mặn mà, sâu sắc.  **2. Các đặc điểm của hài kịch thể hiện trong đoạn trích**  **a. Nhân vật**  - Tên các nhân vật trong VB: Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ.  - Các nhân vật trong VB đều đại diện cho cái thấp kém. Mỗi nhân vật “thấp kém” theo một kiểu riêng. Ví dụ: Ông Giuốc-đanh đại diện cho cái thấp kém của kẻ háo danh, thích học đòi làm sang; phó may thấp kém theo kiểu ma mãnh, bịp bợm, làm ăn giả dối; thợ phụ thấp kém theo kiểu nịnh bợ để kiếm chác.  - Tiếng cười hướng đến tất cả các nhân vật nhưng chủ yếu hướng đến nhân vật ông Giuốc-đanh, cụ thể là hướng đến thói học đòi làm sang lố bịch của ông Giuốc-đanh  => **Kiểu xung đột trong VB:** xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém” vì tất cả các nhân vật từ hai phía của xung đột – cả nhân vật ông Giuốc-đanh và các nhân vật phó may, thợ phụ đều đại diện cho “cái thấp kém”  **b. Hành động và xung đột hài kịch**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-đanh và phó may** | | **Xung đột liên quan đến hành vi (1) của phó may: Mua bít tất quá chật** | | | Các hành động nảy sinh xung đột (1) | - Phó may:  + Hành vi (1); ăn bớt tiền (mua bít tất chật).  - Ông Giuốc-đanh:  + Hành vi/lời thoại: kêu than, trách móc, bực dọc khi thử bít tất chật bị đau chân. | | Các hành động giải quyết cung đột (1) | - Phó may:  + Hành vi/lời thoại: lí sự, tìm cách xoa dịu, phủ định về chuyện bít tất chật gây đau chân.  **=> Xung đột (1) được giải quyết** | | **Xung đột liên quan đến hành vi (2) của phó may: May hoa ngược** | | | Các hành động nảy sinh xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi (2) may hoa ngược, lời thoại ba hoa, khoác lác về chất lượng bộ lễ phục.  - Ông Giuốc-đanh:  + Hành vi/lời thoại; ngờ vực, chất vấn về hoa trên áo phạm lỗi may ngược. | | Các hành động giải quyết xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi/lời thoại: dùng danh nghĩa “quý phái” để lừa bịp, che giấu sự cẩu thả gây sai sót, ve vuốt thói “học làm sang” của ông Giuốc-đanh, biến sai thành đúng.  - Ông Giuốc-đanh:  + Hành vi/lời thoại: chuyển từ bực bội sang hài lòng, từ chê sang khen.  **=> Xung đột (2) được giải quyết** | | **Xung đột liên quan đến hành vi (3) của phó may: Ăn bớt vải** | | | Các hành động nảy sinh xung đột (3) | - Phó may:  + Hành vi (3): ăn bớt vải của ông Giuốc-đanh (“gạn” vải may lễ phục của ông Giuốc-đanh để may áo cho bản thân.)  - Ông Giuốc-đanh:  + Hành vi/lời thoại: phát hiện và phàn nàn về việc phó may ăn bớt vải của mình để may áo cho hắn. | | Các hành động giải quyết xung đột (3) | - Phó may:  + Hành vi/lời thoại: lấy lí do vải tốt, đẹp và dùng từ ngữ lập lờ (“gạn”) để che đậy việc ăn bớt vải, đánh lạc hướng ông Giuốc-đanh bằng cách chuyển đề tài sang việc khác (thử lễ phục).  - Ông Giuốc-đanh:  + Hành vi/lời thoại: chưa kịp phản ứng về việc vải bị ăn bớt trắng trợn đã bị mê hoặc bởi việc thử lễ phục “đúng thể thức” (theo cách thức mặc lễ phục cho các nhà quý phái).  **=> Xung đột (3) được giải quyết.** |   => Hành động và xung đột kịch đều làm nổi bật lên thói thích “học đòi làm sang” của ông Giuốc-đanh. Là “trưởng giả học làm sang”, ông ta tự biến mình thành kẻ lố bịch hoặc dễ dàng bị người khác xỏ mũi, biến ông ta thành lố bịch.  **c. Thủ pháp trào phúng:**  + **Thủ pháp phóng đại:** có tác dụng tô đậm, chế giễu sự ngớ ngẩn của ông Giuốc-đanh: ông tin vào một điều rất vô lí rằng: hoa may ngược trên lễ phục là “mốt” thời thượng, hay sở thích của những người quý phái.  **+ Thủ pháp lặp lại và tăng tiến được sử dụng ở cả 2 phần của VB:**  ++Ở phần đầu, trong các cuộc thoại của ông Giuốc-đanh với phó may, có ít nhất 3 lần ông Giuốc-đanh phát hiện ra sự gian dối bịp bợm của phó may (bít tất mua quá chật, hoa trên áo bị may ngược, vải bị ăn cắp trắng trợn), nhưng chỉ cần phó may giải thích rằng phải như thế mới đúng mốt, mới sang trọng, quý phái,...thì ông ta lập tức hết ngờ vực, thậm chí còn tỏ ra hài lòng. *(Ồ!Thế thì bộ áo này may được đấy)*  => Trong ba lần ấy, sự bịp bợm trắng trợn của phó may lần sau cao hơn lần trước, tạo nên sự tăng tiến, cho thấy ông Giuốc-đanh càng về sau càng bị lừa bịp dễ dàng hơn, phi lí hơn.  ++ Ở phần sau, thủ pháp tăng tiến tiếp tục được sử dụng: ba lần các chú thợ phụ thay đổi cách xưng hô nịnh ông Giuốc-đanh, gọi ông ta là *“ông lớn” – “cụ lớn” – “đức ông”;* số tiền thưởng càng lúc càng hào phóng theo từ ngữ tôn xưng càng lúc càng cao => Điều đó cho thấy bản chất thấp kém, háo danh đến mức mù quáng của ông Giuốc-đanh càng lúc càng trầm trọng  + **Thủ pháp kéo chậm, phóng đại sự lố bịch bằng những động tác cơ thể theo nhịp điệu:** Đoạn văn chỉ dẫn sân khấu (được in nghiêng ở giữa VB) là một màn lố bịch hóa nhân vật đầy ấn tượng  => Tất cả đều có tác dụng khơi sâu chủ đề của màn kịch.  **3. Các nhân vật trong đoạn trích**  **a. Nhân vật ông Giuốc-đanh**  **- Khái quát về nhân vật:**  + Là con một nhà buôn giàu có, làm ăn phát đạt ⇒ ông muốn trở thành quý tộc. Vì ngu dốt, ngờ nghệch, bị những kẻ bịp bợm vào xâu xé, trục lợi.  ⇒ Có ước muốn hão huyền trong khi bản thân không có khả năng.  **- Hành động:**  + Đặt tên phó may làm những thứ liên quan đến trang phục quý tộc và phó may mang bộ trang phục đến nhà:  ++ Tỉnh táo nhận ra việc phó may ăn bớt tiền bằng việc mua đôi bít tất chật, lợi dụng kiếm chác nhưng chỉ bằng vài lời xuề xòa, bịp bợm của phó may mà ông Giuốc-đanh cũng cho qua; phát hiện ra việc phó may may hoa ngược nhưng khi phó may bịa ra lý lẽ rằng người quý tộc đều mặc vậy ⇒ thuận ý liền tin ngay; phát hiện ra phó may ăn bớt vải của mình nhưng khi phó may khen vải đẹp nên gạn lại một chiếc áo để mặc ⇒ không hề giận nữa.  ⇒ Tình huống kịch bất ngờ, thú vị ⇒ Chỉ vì quá ham muốn học làm sang nên mất khôn, ngờ nghệch ⇒ trở nên nực cười.  + Hành động mặc lễ phục:  ++ Những tên thợ phục mặc lễ phục cho ông, ông đi đi lại lại phô cái áo mới, đều bước theo điệu nhạc thật chẳng khác nào chú hề.  ++ Những lời đối thoại của ông Giuốc-đanh với bọn thợ phụ, chúng gọi ông là “ông lớn”, “cụ lớn” rồi “đức ông” để moi tiền -> Ông vô cùng thích thú và không hề tiếc túi tiền của mình để cho chúng.  ⇒ **Nhận xét về hành động của** **ông Giuốc-đanh:** Mê muội, ngu dốt, ngờ nghệch, chỉ vì thói đòi học làm sang nên đã bị lợi dụng.  **- Ngôn ngữ của ông Giuốc đanh:** ngờ nghệch, thiếu hiểu biết.  **- Đánh giá về đặc điểm tính cách nhân vật:**  **+** Là người thiếu hiểu biết nhưng lại học đòi làm sang; không hiểu bản chất của từ “sang” mà chỉ học đòi về những hình thức bên ngoài như lễ phục, cách xưng hô; từ đó gây ra những hành động lố bịch, gây cười.  + Khắc họa bức tranh xã hội Pháp thế kỉ XVII chân thực, sinh động: những kẻ trưởng giả “học làm sang” một cách kệch cỡm, ngờ nghệch.  **b. Các nhân vật khác:**  **\* Nhân vật Phó may:**  - Người may lễ phục cho ông Giuốc-đanh  - Hành động: mua bít tất chật để ăn bớt tiền, may hoa ngược, ăn bớt vải để may áo cho mình  - Ngôn ngữ: bịp bợm, lừa lọc, tâng bốc, nịnh bợ để lấp liếm hành vi của mình.  -> Phó may là người ma mãnh, tham lam, làm ăn gian dối, bịp bợm.  \* **Thợ phụ:**  - Những người phụ giúp ông Giuốc-đanh mặc lễ phục.  - Hành động: mặc lễ phục cho ông Giuốc-đanh đúng “thể thức”; *hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiếm vừa rồi, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới vào cho ông.*  => Hành động tạo ra tình huống hài hước, gây cười cho VB.  - Ngôn ngữ: Dùng lời nói nịnh bợ, tâng bốc, gọi ông Giuốc – đanh là “ông lớn” – “cụ lớn” - “đức ông” để moi tiền  => lợi dụng thói “học đòi làm sang” của ông Giuốc-đanh để trục lợi cho bản thân.  **4. Chủ đề và ý nghĩa văn bản**  - Chủ đề: Sự tốn kém và lố bịch của ông Giuốc-đanh trong việc mặc lễ phục nhằm thỏa mãn ham muốn “học làm sang”.  - Ý nghĩa VB: Mục đích của văn bản là muốn dùng tiếng cười để phê phán thói háo danh, “học đòi làm sang” một cách kệch cỡm, khoa trương, hình thức. Từ đó, muốn gửi gắm thông điệp: Hãy trân trọng giá trị đích thực của mỗi cá nhân. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn HS Tổng kết** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  ***+*** *Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”*  *+ Hãy rút ra cách đọc văn bản hài kịch.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng thủ pháp phóng đại, thủ pháp lặp lại và tăng tiến, thủ pháp kéo chậm, phóng đại sự lố bịch bằng những động tác cụ thể tạo nên tiếng cười châm biếm, hài hước sâu sắc và giàu ý nghĩa.  - Xây dựng lời thoại đặc sắc, gây cười.  **2. Nội dung**  - Đoạn trích nói về sự lố bịch và tốn kém của ông Giuốc-danh trong việc mặc lễ phục nhằm thỏa mãn ham muốn “học làm sang”.  - Phê phán “*bệnh*” háo danh, chuộng hình thức, … luôn có trong mỗi con người, mỗi tập thể.    **3. Cách đọc hiểu một văn bản****hài kịch**  - Tìm hiểu **bối cảnh lịch sử, thời đại** ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả liên quan đến văn bản.  - Tác phẩm/ Văn bản viết về điều gì? Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào? Phân tích được đặc điểm tính cách của nhân vật.  - Tìm và phân tích được các **yếu tố cơ bản của hài kịch trong văn bản như xung đột kịch, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng, các chỉ dẫn sân khấu**  - Rút ra ý nghĩa thực tiễn của văn bản: văn bản phê phán chế diễu thói hư tật xấu nào trong đời sống  - Cần rút ra cho mình bài học gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  **Thảo luận theo kĩ thuật Think – pair – share:** Một số bạn cho rằng nên dùng *Trưởng giả học làm sang* để làm nhan đề cho VB trên; một số khác lại cho rằng nhan đề ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của VB. Em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?  **Gameshow *“Rung chuông vàng mini”***  **GV phổ biến luật chơi:**  **Câu 1:** Xác định thể loại của tác phẩm có đoạn trích *“Trưởng giả học làm sang”*.  A. Hài kịch  B. Bi kịch  C. Chính kịch  D. Truyện cười  **Câu 2:** Tác giả của văn bản “*Trưởng giả học làm sang*” là ai?  A. Uy-li-am Sếch-xpia  B. Mô-li-e  C. Giuốc-đanh  D. Không xác định được.  **Câu 3:** Nội dung chính của văn bản là gì?  A. Cảnh mặc lễ phục của ông Giuốc-đanh trang trọng, hoành tráng phù hợp với xã hội thượng lưu.  B. Cuộc đối thoại của ông Giuốc-đanh với phó may, thợ phụ về lễ phục của ông Giuốc-đanh. Qua đó, khẳng định vị trí của ông Giuốc-đanh trong xã hội thượng lưu.  C. Việc mặc lễ phục của ông Giuốc-đanh tốn kém và lố bịch nhằm thỏa mãn ham muốn “học làm sang”. Từ đó, phê phán thói học đòi, háo danh trong xã hội.  D. Khắc họa nhân vật ông Giuốc-đanh với thói “học làm sang” để phê phán “bệnh sĩ” trong xã hội.  **Câu 4:** Nội dung đoạn trích liên quan như thế nào với tên vở kịch “Trưởng giả học làm sang”?  A. Liên quan trực tiếp. Đoạn trích nhằm phê phán thói xấu: ham hư danh, học đòi làm sang nhưng thiếu hiểu biết.  B. Có liên quan một phần. Đoạn trích đã phần nào nói lên tính học đòi làm sang của nhân vật ông Giuốc-đanh.  C. Không có liên quan. Đoạn trích không nói gì thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh  D. Liên quan gián tiếp. Những lời nói, hành động của phó may, thợ phụ cho thấy thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh.  **Câu 5:** Xác định kiểu xung đột mà tác giả khai thác trong đoạn trích *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục:*  A. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái cao cả”.  B. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém”.  C. Xung đột giữa “cái thấp kém” với ‘cái thấp kém”.  D. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém” và “cái thấp kém” với “cái thấp kém”.  **Câu 6:** Điểm khác giữa cách trình bày kịch với cách trình bày một truyện ngắn là gì?  A. Sử dụng nhiều thủ pháp chứng minh, lời lẽ mang tính pháp luật.  B. Không phân chia đoạn, không có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.  C. Tập trung vào lời thoại là chủ yếu, lời thoại được tách ra gắn với tên nhân vật ở đầu dòng.  D. Tác giả kết hợp miêu tả, biểu cảm trong kịch bản. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  **Bài tập 1:** Bằng trải nghiệm của bản thân, em hãy nêu một số ý nói về tác hại của thói ưa sĩ diện, háo danh trong xã hội.  **Bài tập 3: Dự án đọc hiểu VB**   * **Tập làm hoạt cảnh:** Yêu cầu HS chọn một đoạn trong văn bản *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* để đóng kịch.   **Lưu ý:** Tùy theo khả năng của HS, GV chọn 1 số HS tiêu biểu có năng khiếu thích hợp phụ trách, sau đó cho các HS khác tự nguyện đăng kí làm thành viên một trong nhóm kịch.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV gọi một vài HS chia sẻ về bài tập 1.  - Bài tập 2: Dự án  GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập. (Nếu không đủ thời gian thì có thể để HS báo cáo vào tiết học buổi chiều hoặc tiết ngoại khóa (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gợi ý  Bài tập 1: HS cần chỉ ra được một số ý nói về tác hại của thói háo danh, học đòi làm “sang” trong cuộc sống.  \* Đối với bản thân người có thói háo danh, học đòi làm sang.  - Khiến tâm lí con người trở nên cực đoan, méo mó, quá chú trọng về cái nhìn của người khác và vẻ ngoài của bản thân.  - Dẫn đến các hành vi bắt chước, huênh hoang, khoác lác, nói dối để đắp nặn một vẻ ngoài như ao ước để có được thể diện.  - Đưa bản thân vào một guồng quay nặng nề cho những hư vinh. Ảo tưởng về bản thân khiến họ vỡ mộng; không thể thành công trong cuộc sống.  - trở thành trò cười cho mọi người.  \* Đối với xã hội:  - Khiến người tiếp xúc cảm thấy khó chịu, giao tiếp không thành công.  - Làm cho xã hội tụt hậu, kìm hãm sự phát triển của xã hội.  - Làm lây lan các xu hướng tiêu cực, mất đi vẻ đẹp chân thực, trong sáng của con người. |  |

Tiết 58….. VĂN BẢN 2

**CÁI CHÚC THƯ**

**Vũ Đình Long**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **PP vấn đáp:**  **Cách 1:** GV cho HS xem một đoạn phim hoạt hình: *Bản di chúc mờ ám* theo đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=ChDIht3N3NQ>  Video nói về sự việc gì? Nhân vật người hầu đã nhận kết cục như thế nào? Từ VB, em rút ra bài học gì cho bản thân?  **Cách 2:** Các bản chúc thư thường có nội dung, mục đích thế nào và thường do ai lập? Điều gì bảo đảm cho một bản chúc thư có giá trị?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và trả lời.  - GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **\*Dự kiến sản phẩm:** HS chia sẻ suy nghĩ của mình.  **Cách 1:**  - Videonói về sự việc: cha mất, người con đi học xa, người hầu đã tìm cách làm giả bản di chúc để âm mưu chiếm gia tài của người cha.  - Người hầu nhận kết cục: tay trắng, không đạt được mục đích chiếm gia tài của mình.  - Từ VB, rút ra bản thân: sống trung thực, không tham lam những thứ vốn không thuộc về mình.  **Cách 2:**  - Nội dung của bản chúc thư:những ý nguyện của một người: việc phân chia tài sản của mình, cách ứng xử với gia đình, họ hàng, ... sau khi qua đời.  - Mục đích: dặn dò, chia gia tài cho những người có quyền thừa kế.  - Thường do người chủ gia đình, sở hữu tài sản lập.  - Điều bảo đảm cho một bản chúc thư có giá trị: Có chữ ký của người lập di chúc trong tình trạng sức khỏe minh mẫn; có người chứng kiến; nội dung và hình thức di chúc phù hợp với đạo đức và pháp luật…  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài:**  *Video chúng ta vừa xem đã gợi đến một vấn đề khiến chúng ta cần suy ngẫm: làm giả chúc thư và lòng tham của con người. Vấn đề ấy cũng được thể hiện sâu sắc qua thể loại hài kịch, dùng tiếng cười để phê phán hành động thiếu đạo đức, vô lương tâm này. Vậy chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay - văn bản “Cái chúc thư” xem tác giả nhìn nhận vấn đề đó như thế nào?* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **2.1. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả Vũ Đình Long và tác phẩm *Gia tài***  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **(Kĩ thuật trình bày một phút)**  - GV giao nhiệm vụ cho HS trình bày giới thiệu về tác giả Vũ Đình Long và vở kịch *Gia tài*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị nội dung trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** HS trình bày trước lớp.  - HS khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**    - **GV mở rộng:**  + Vũ Đình Long bắt đầu sáng tác kịch ngay từ khi còn trẻ. Vở kịch nổi tiếng *Chén thuốc độc*, 3 hồi, đăng trên tạp chí *Hữu Thanh* số 4,5 vào tháng 9 năm 1921, được coi là tác phẩm đầu tiên của văn học kịch Việt Nam.  + Năm 1925, khi 29 tuổi, Vũ Đình Long mở hiệu sách Tân Dân tại nhà số 93 phố Hàng Bông, Hà Nội, trong khi vẫn làm việc tại ở Sở Học chánh Đông Pháp.  + Sau Cách mạng tháng Tám, Vũ Đình Long gia nhập Hội Văn hóa Cứu quốc.  + Những năm chiến tranh Đông Dương, ông sống ở nội thành Hà Nội, dù gia đình ông vẫn là nơi đi về tin cậy của các nhà văn đi theo kháng chiến. Sau khi hòa bình lập lại, ông ở lại miền Bắc, trở thành Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957), được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam khóa I. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả Vũ Đình Long (1896 – 1960)**  - Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, rất mê ca kịch dân tộc.  - Là tác giả của nhiều vở kịch hiện đại như: *Chén thuốc độc (*1921), *Tòa án lương tâm* (1923), *Đàn bà mới* (1944), *Tổ quốc trên hết* (1949, phóng tác), *Gia tài* (1958, phóng tác),...  **2. Vở kịch *Gia tài***  - **Phóng tác:** từ vở hài kịch Lê-ga-tê Uy-ni-véc-xen của Rơ-nha  - **Tóm tắt vở kịch**: *Gia tài* (SGK)  **- Thể loại:** Hài kịch  **- Bối cảnh tác phẩm**: Tại gia đình ông Di Lung với những con người tham tiền, hám của. |

|  |  |
| --- | --- |
| **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  (1) **Đọc:**  - **Cách 1**: GV có thể cho HS đọc VB ở nhà và kiểm tra thông qua các câu hỏi nhanh:  + *Tóm tắt nội dung văn bản: Văn bản kể lại, việc sự việc gì? Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh nào sự việc ấy có gì đáng buồn cười?*  + Đọc diễn cảm một số đoạn văn. Giáo viên cũng có thể dựa vào một số câu ở box bên phải tuyến sách để rèn kĩ năng dự đoán, suy luận, theo dõi cho HS  - **Cách 2**: GV cho HS đọc theo hình thức phân vai:  - Chú ý đọc từ khó ở chân trang.  **2) Hoạt động thảo luận nhóm bàn, mỗi bàn 1 nhóm**  - Giới thiệu về đoạn trích *Cái chúc thư theo* **phiếu học tập số 01**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Trao đổi với bạn về kiến thức chung của VB theo PHT 01  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Trình bày thông tin cơ bản về văn bản.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  HS cần ghi chép nhanh các thông tin chính về VB, tác giả. Sau đó GV tổng kết lại các ý chính. | **3. Văn bản: “*Cái chúc thư*”**  **a. Đọc, tìm hiểu từ khó**  - Đọc VB  - Đọc chú thích ở chân trang, sgk (tr.105)  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **- Vị trí:** Văn bản trích hồi IV (Lớp thứ III. IV, V, VI) của vở kịch *Gia tài*  **- Cốt truyện:** Xoay quanh việc Hy Lạc, Khiết và Lý bàn bạc mời công chứng viên đến nhà lập chúc thư giả, Khiết cải trang thành ông Di Lung để lừa công chứng viên.  **- Bối cảnh đoạn trích:** Tại nhà của ông Di Lung.  **- Đề tài**: Cái chúc thư và lòng tham của con người.  **- Tóm tắt văn bản:** Cụ Di Lung lâm bệnh nặng, có thể không qua khỏi. Gia tài của cụ chưa biết sẽ để lại cho ai thừa hưởng. Hy Lạc, Khiết và Lý bàn với nhau mời công chứng viên về làm chúc thư giả. Khiết sẽ đóng vai cụ Di Lung, chủ trì việc soạn thảo và lấy lí do tay bị đau, nhờ thư kí làm chứng, kí thay vào chúc thư.  **-** **Bố cục văn bản:**  **+ Phần 1** (Từ đầu đến “làm việc ám muội này”): Hy Lạc, Khiết, Lý chuẩn bị màn kịch trước khi viên công chứng tới  **+ Phần 2:** (Còn lại): Vở kịch khi công chứng viên tới. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| ***NV1:* Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình thức trình bày kịch bản và các chỉ dẫn sân khấu**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HĐ cặp đôi và trả lời câu hỏi:**  - *Nêu hình thức trình bày kịch bản của VB.*  *- Nhận biết các chỉ dẫn sân khấu và chức năng của các chỉ dẫn ấy.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện 1 vài HS trả lời.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.  ***NV2:* Các đặc điểm của hài kịch thể hiện trong đoạn trích**  **\* *Thao tác 1:* Tìm hiểu yếu tố nhân vật trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HS thảo luận cặp đôi, và thực hiện yêu cầu:** Liệt kê tên các nhân vật trong VB và cho biết:  - Các nhân vật ấy là hiện thân cho “cái cao cả” hay “cái thấp kém”?  - Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .  **\* *Thao tác 2:* Tìm hiểu yếu tố hành động, xung đột và các thủ pháp trào phúng trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Cả lớp chia thành 4 nhóm:**  **- Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu hành động và xung đột kịch:  + Nêu biểu hiện của hành động kịch trong VB qua **PHT 02**  + Xung đột kịch trong VB là xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém” hay “cái thấp kém” với “cái cao cả”? Hãy giải thích ý kiến của em.  **- Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu thủ pháp trào phúng qua việc hoàn thành **PHT 03**.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm trong 7 phút.  - Trình bày sản phẩm ra tờ A0.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ***NV3: Tìm hiểu về các nhân vật trong đoạn trích***  **HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ Nhóm bàn dãy 1:** Tìm hiểu một số điểm tương đồng và khác biệt về tính cách giữa Hy Lạc với Khiết và Lý **(PHT 04)**  **+ Nhóm bàn dãy 2:** Tìm hiểu một số điểm tương đồng và khác biệt về tính cách giữa Khiết với Lý **(PHT 05)**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện 2 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chuẩn hóa kiến thức.  ***NV4:* Tìm hiểu về ý nghĩa đoạn trích**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- Xác định chủ đề của VB.*  *- Ý nghĩa phê phán và thông điệp mà VB muốn gửi gắm đến người đọc là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV cho HS tự do phát biểu để trình bày chủ đề, ý nghĩa và thông điệp của VB.   * HS ghi lại câu hỏi của mình * GV quan sát, hướng dẫn học sinh.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV gọi HS báo cáo, chia sẻ. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung.  - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  **1. Hình thức trình bày kịch bản và các chỉ dẫn sân khấu**  **\* Kịch bản được trình bày chủ yếu:**  Nêu tên hệ thống nhân vật và lời thoại của mỗi nhân vật và các chỉ dẫn sân khấu.  **\* Các chỉ dẫn sân khấu trong VB:**  - Các cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: Lý (*vất quần áo xuống)...;* Khiết *(cởi áo)...;* Khiết *(vội ngồi vào ghế bành)...;* Thận Trọng *(y miệng đọc tay viết)...(với Di Lung)...* là lời của tác giả, người viết kịch bản.  - Tác dụng: gợi ý, chỉ dẫn việc ra, vào sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên; cách bài trí sân khấu, cách nói năng của diễn viên,...  **2. Các đặc điểm của hài kịch thể hiện trong đoạn trích**  **a. Nhân vật**  - Tên các nhân vật trong VB: Di Lung: bác của Hy Lạc; Hi Lạc: Cháu ruột của ông Di Lung; Lý: người hầu gái của Di Lung; Khiết: người hầu trai của Hy Lạc; Thận Trọng: Công chứng viên.  - Các nhân vật trong VB đều đại diện cho cái thấp kém. Ví dụ: Hy Lạc vì lòng tham, bất chấp cả đạo đức và pháp luật làm giả chúc thư để chiếm gia tài. Lý vì ham của, phản bội chủ nhân của mình, tham gia kế hoạch làm chúc thư giả cùng Hy Lạc và Khiết; Khiết vì ham của nên liều lĩnh đóng vai cụ Di Lung – chủ gia tài, giả dối, lưu manh tham gia vào kế hoạch làm chúc thư giả.  - Tiếng cười hướng đến tất cả các nhân vật trong VB: Hy Lạc, Khiết, Lý.  **b. Hành động và xung đột hài kịch**  **\* Biểu hiện của hành động kịch trong VB:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Hành động kịch qua lời đi thoại** | **Hành động kịch qua lời độc thoại** | **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi (cụm từ in đậm)** | | **Hy Lạc** | + *“Nếu anh làm được việc này thì là anh cứu tôi khỏi chết đấy...A!Anh Khiết ơi!* (nói với Khiết)  + *“Thế thì thôi, tôi không nói nữa nhưng mà nó tham lam quá!”* (nói với Lý)  *+ “Thế thì hay lắm...phí tổn.”* (nói với Thận Trọng)  ... | *+ “Hai trăm ngàn đồng! Thằng vô lại nó láo quá!”*  *+ “Thằng bợm này nó chơi mình một vố khá đấy”.*  ... | **+ (vờ khóc)** *Đau đớn cho lòng tôi quá!*  **+ (cũng vờ như Lý)** *Bác để gia tài cho cháu, không bằng là bác cứ sống mãi với cháu.*  + **(nói sẽ với Lý)** *Thế thì thôi, tôi không nói nữa...* | | **Khiết** | + *“Cậu nói đúng. Thôi thì tôi cũng liều...”* (nói với Hy Lạc).  + “*Thôi thế đủ bộ rồi, chị xuống bảo người công chứng lên đi.”* (nói với Lý)  + *“Tôi muốn kí lắm nhưng tay tôi bị liệt, không kí được.”* (nói với Thận Trọng)  ... |  | + **(cởi áo)** *Phải nhanh lên mới được...*  + **(vội ngồi vào ghế bành)** *Bác sắp về chầu Phật, anh phải luôn bên cạnh tôi...* | | **Lý** | + *“Anh mặc thêm cái áo măng tô này”* (nói với Khiết)  + *“Mời ông vào”* (với Thận Trọng)  + *“Thôi, cậu ạ. Tôi biết tính nó, cậu mà nói nữa, thì nó làm thật đấy”* (nói với Hy Lạc)  ... | + “Tội nghiệp cho ông, sống sao chết vậy”  + “Cảm tạ Trời Phật”  ... | + **(vất gói quần áo xuống)** *Đây áo, quần, mũ trùm đầu...*  + **(vờ đau đớn)** Nghe ông nói, mà lòng tôi đâu như cắt...  + **(ngã xuống như là ngất đi)** Chao ôi!  ... |   **\*Xung đột hài kịch:** Trong vở kịch này, giữa Hy Lạc, Khiết và Lý vừa có xung đột với nhau, vừa có xung đột với cụ Di Lung (không có mặt trong VB). Tuy nhiên trong màn kịch này, ba nhân vật vào hùa với nhau cùng một phe để mưu toan chiếm gia tài của cụ Di Lung. Nhưng Khiết đã tận dụng cơ hội này để chủ động chia phần cho mình và cho Lý. Vì vậy, nảy sinh xung đột với Hy Lạc. Các nhận vật trong xung đột này đều là hiện thân cho “cái thấp kém”. Họ vì muốn thừa hưởng gia tài mà dám làm điều phạm pháp (liều lĩnh đóng vai cụ Di Lung, chủ gia tài, lập chúc thư giả, giả mạo chữ kí,...)  => **Kiểu xung đột trong VB:** xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”.  **c. Thủ pháp trào phúng**  **- Về cách sắp xếp hành động, sự việc:** tạo tiếng cười bằng tình huống hoán đổi vị thế hài hước, lố bịch: trong màn kịch làm chúc thư giả, nhân vật Khiết là người hầu trai lại vào vai cụ Di Lung, ông chủ cái gia tài, nên có quyền định đoạt, phán quyết về quyền lợi của người khác; nhân vật Hy Lạc là cậu chủ, lại vào vai thằng cháu nên phải ngoan ngoãn vâng lời người hầu trai của mình;...  - **Về cách dựng đối thoại:** thủ pháp tạo dựng những lời thoại đứt đoạn của nhân vật Khiết trong vai cụ Di Lung nhằm tăng cường kịch tính.  **Ví dụ:**  “**Khiết:** - Phụ khoản. Tôi để lại cho Nguyễn Thị Lý có mặt tại đây.  **Lý:** - *(vờ khóc)* Ôi trời đất ôi!  **Khiết:** - Lý là cháu họ xa của tôi, có công hầu hạ tôi từ mấy năm nay, tôi cho lấy Khiết làm vợ chính thức, đó là điều kiện tất yếu.  **Lý:** - (*ngã xuống như là ngất đi)* Chao ôi!  **Khiết:** - Cháu đỡ lấy nó. Và để thưởng công cho thị Lý, vì thị đã chăm nom tôi, tôi để lại cho thị...  **Lý:** *(vờ khóc)* Trời ơi! Ông tôi tử tế quá, mà Trời Phật không để cho sống mãi!  **Khiết:** ... Hai trăm ngàn đồng tiền mặt *(Lý vờ như cảm động, chấm nước mắt).*  *....”*  **- Tạo sự mâu thuẫn hay thống nhất giữa lời đối thoại với độc thoại để thể hiện cái thấp kém trong nhân vật:**  **Ví dụ:** Những lời thoại của Hy Lạc trong đoạn sau:  “**Khiết** - Còn mấy chữ nữa thôi. Phụ khoản. Tôi để lại cho Lê Văn Khiết...  **Hy Lạc** (*nói rõ)* Cho Lê Văn Khiết! Có lẽ nó mơ rồi. Hay là nó có ý gì?  **Khiết** – Vì sự tận tâm và trung thành...  **Hy Lạc** – (*nói rõ)* À! Thằng phản bội!  **Khiết** - ... mà hắn luôn tỏ ra trong khi phục vụ chủ hắn...”  **Hy Lạc -** Thưa bác, bác không biết rõ thằng cha Khiết ấy: nó là một tên đầy tớ rượu chè, du đãng, không đáng được bác ghi tên vào chúc thư.  => Những lời đối thoại và độc thoại của nhân vật Hy Lạc trong đoạn trích trên đây có sự thống nhất: vạch rõ âm mưu của nhân vật Khiết: lợi dụng việc làm chúc thư giả để chiếm một phần gia tài về cho mình, tiếng cười tạo ra ở chỗ, những lời Hy Lạc nói về Khiết đã tự bộc lộ lòng tham của chính mình.  **3. Các nhân vật trong đoạn trích**  **\* Phân tích, so sánh tính cách của các nhân vật trong VB:**  **- Giữa Hy Lạc với Khiết và Lý:**   |  |  | | --- | --- | | **Điểm tương đồng** | **Điểm khác biệt** | | - Hy Lạc, Khiết, Lý đều nóng lòng trông chờ vào việc hưởng lợi từ cái chúc thư mà cụ Di Lung sắp lập; đều lo lắng mình không được thừa kế hoặc không được chia chác quyền lợi.  - Hy Lạc, Khiết, Lý đều là những kẻ liều lĩnh thực hiện âm mưu làm chúc thư giả khi cụ Di Lung sắp “chầu trời”.  - Hy Lạc, Khiết, Lý vừa thống nhất vừa có mâu thuẫn về quyền lợi. | **- Hy Lạc:**  + Là cháu trai có cơ hội được hưởng gia tài nhiều hơn, thậm chí sẽ là người toàn phần, duy nhất.  + Tuy là “cậu chủ’ nhưng đành phải nhờ cậy đến hai người giúp việc, nhất là Khiết; trong màn kịch lập chúc thư giả, Hy Lạc đành ở vào vị thế yếu, bị Khiết giả vai cụ Di Lung.  **Khiết và Lý:**  +Là những người hầu/giúp việc , chỉ có được chia phần, hưởng lợi nếu Hy Lạc chính thức là người thừa kế gia tài của ông Di Lung.  + Vì lòng tham, dám liều lĩnh thực hiện trò giả dối, phạm pháp, lưu manh (Khiết bị Hy Lạc gọi là thằng bợm, đồ đểu cáng). |   - **Giữa Khiết và Lý**:   |  |  | | --- | --- | | **Điểm tương đồng** | **Điểm khác biệt** | | Đều là người hầu/giúp việc , chỉ c được chia phần, hưởng lợi nếu Hy Lạc chính thức là người thừa kế gia tài của ông Di Lung. | **Khiết:**  + Là người hầu trai của Hy Lạc, tham gia màn kịch lập chúc thư giả trong vai trò đồng chủ mưu.  + Liều lĩnh, đểu cáng khi dám vượt quyền lực Hy Lạc, tận dụng vị thế vai kịch, thu vén lợi ích cho bản thân và Lý, cô vợ tương lai của hắn (Khiết bị Hy Lạc gọi là “thằng bợm”, đồ “đểu cáng”, đồ “du đãng”, “thằng phản bội’,..  **Lý:** Là hầu gái cho cụ Di Lung, lợi ích của Lý gắn liền với lợi ích của Khiết và Hy Lạc. Tuy có chút tình cảm chân thành nhưng vì những gì được hưởng, sẵn sàng làm kẻ phụ họa đắc lực cho mưu đồ lập chúc thư giả | |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Hướng dẫn HS Tổng kết** | |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản “Cái chúc thư”*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các thủ pháp trào phúng trong cách sắp xếp hành động, sự việc, cách dựng đối thoại, cách tạo sự mâu thuẫn hay thống nhất trong lời thoại của nhân vật để tạo nên tiếng cười châm biếm, hài hước sâu sắc và giàu ý nghĩa.  **2. Nội dung**  - Đoạn trích nói về việc làm chúc thư giả để chiếm gia tài.  - Phê phán những con người vì tham lam quyền lợi vật chất mà hành động liều lĩnh, bất chấp pháp luật và đạo lí. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **\*Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Trò chơi *“Cuộc đua kì thú”* (Đua xe)**  **GV phổ biến luật chơi:** Chúng ta có 3 đội chơi (mỗi đội 2 HS) tương ứng với 3 chiếc xe trong trò chơi. Các đội lần lượt chọn câu hỏi bất kì cho đội của mình. Sau khi chọn câu hỏi, đội chọn sẽ có 5s suy nghĩ và trả lời. Nếu trả lời đúng thì xe sẽ tiến lên một đoạn. Nếu trả lời sai thì quyền trả lời thuộc về các đội còn lại. Nếu các đội còn lại trả lời đúng, xe được tiến lên một đoạn. Nếu sai thì sẽ chuyển sang lượt chọn câu hỏi khác. Sau 12 câu hỏi, đội nào về đích trước sẽ giành chiến thắng!  **Câu 1:** Dấu hiệu nào sau đây *không phải* là dấu hiệu của VB hài kịch thể hiện trong VB?  A. Tác giả xây dựng lời thoại của nhân vật ở dạng đối thoại, độc thoại và bàng thoại.  B. Nhân vật xuất hiện trong văn bản đại diện cho “cái thấp kém”.  C. Trong VB, ngoài lời thoại của các nhân vật còn có các chỉ dẫn sân khấu.  D. Tác giả sử dụng các thủ pháp trào phúng đặc sắc để tạo tiếng cười hóm hỉnh, sâu sắc.  Đáp án: A (vì trong VB không có bàng thoại).  **Câu 2:** *Gia tài* là tác phẩm do Vũ Đình Long phóng tác từ vở hài kịch Lê-ga-tê Uy-ni-véc-xen. Vậy phóng tác là gì?  A. Dịch lại một tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam.  B. Mô phỏng theo nội dung của một tác phẩm đã có trước đó.  C. Sáng tạo ra một tác phẩm có cùng chủ đề với tác phẩm đã có trước đó.  D. Sáng tạo ra một tác phẩm có nội dung đối lập với tác phẩm đã có trước đó.  **Câu 3:** Nội dung chính của văn bản là gì?  A. Cảnh viết chúc thư của ông Di Lung trước sự chứng kiến của cháu trai, người hầu và công chứng.  B. Cuộc đối thoại của Hy Lạc, Khiết và Lý về việc lập chúc thư giả và sự chứng kiến của công chứng viên.  C. Từ kế hoạch lập chúc thư giả của Hy Lạc, Khiết và Lý để phê phán những kẻ tham lam, vì quyền lợi vật chất mà hành động bất chấp pháp luật và đạo lý.  D. Cảnh chia chác không đều giữa Hy Lạc, Khiết và Lý, từ đó phê phán những kẻ tham lam, vì tiền mà sẵn sàng phản bội, nhục mạ đồng đội của mình.  **Câu 4:** Chúc thư là gì?  A. Bản viết của người lớn tuổi nhất nhà nhằm phân chia tài sản trong nhà.  B. Văn bản chính thức ghi những ý nguyện của một người, đặc biệt về việc phân chia tài sản của mình sau khi qua đời.  C. Là lời dặn dò của một người trước khi chết về những ý nguyện của mình về việc phân biệt tài sản.  D. Tài sản của một người để lại sau khi qua đời.  **Câu 5:** Xác định kiểu xung đột mà tác giả khai thác trong đoạn trích *“Cái chúc thư”*  A. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái cao cả”.  B. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém”.  C. Xung đột giữa “cái thấp kém” với ‘cái thấp kém”.  D. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém” và “cái thấp kém” với “cái thấp kém”.  **Câu 6:** Chỉ dẫn sân khấu trong VB *“Cái chúc thư”* được thể hiện qua dấu hiệu nào?  A. Các đoạn văn in nghiêng trong VB.  B. Các từ, cụm từ in đậm trong VB.  C. Các cụm từ in nghiêng đặt trong dấu ngoặc đơn.  D. Các câu có dấu gạch đầu dòng.  **Câu 7:** Hành động kịch trong VB được biểu hiện cụ thể qua những hoạt động nào của nhân vật?  A. Lời đối thoại  B. Lời độc thoại  C. Cử chỉ, hành vi  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 8:** Ý nào nói *không đúng* về nhân vật Hy Lạc trong đoạn trích:  A. Là cháu trai của ông Di Lung, người đã lập kế hoạch làm bản chúc thư giả để thừa kế gia tài của ông Di Lung.  B. Là người tham lam, vì quyền lợi của mình mà bất chấp đạo đức và pháp luật.  C. Là cháu trai có hiếu, vì muốn bác của mình được tăng phúc nên đã nghĩ đến việc sớm lập chúc thư.  D. Là người hứa hẹn sẽ không quên ơn Khiết nếu giúp mình nhưng cũng là người lăng mạ Khiết khi Khiết lợi dụng việc đóng vai cụ Di Lung để trục lợi về cho mình.  **Câu 9:** Điểm tương đồng giữa các nhân vật Hy Lạc, Khiết và Lý trong VB là:  A. Đều là những kẻ tham lam, liều lĩnh thực hiện âm mưu làm chúc thư giả khi cụ Di Lung sắp “chầu trời”.  B. Đều là những kẻ ưa sĩ diện, thích có nhiều của cải để khoe khoang.  C. Đều là những kẻ thiếu hiểu biết, không biết việc lập chúc thư giả vi phạm pháp luật.  D. Đều là những kẻ thừa kế hợp pháp, xứng đáng được hưởng gia tài của cụ Di Lung.  **Câu 10:** Thủ pháp trào phúng nào *không* được sử dụng trong VB *“Cái chúc thư”?*  A. Tạo tiếng cười bằng cách hoán đổi vị thế hài hước, lố bịch.  B. Tạo những lời thoại đứt đoạn của nhân vật Khiết trong vại cụ Di Lung nhằm tăng cường kịch tính.  C. Phóng đại tính phi lo-gíc vì làm giả chúc thư mà ông Di Lung không hề hay biết.  D. Tạo sự mâu thuẫn hay thống nhất giữa lời đối thoại với độc thoại để thể hiện cái thấp kém của nhân vật.  **Câu 11:** Ý nào nhận xét đúng nhất về nhân vật Khiết trong VB?  A. Là người hầu trung thành, tận tụy, sẵn sàng vì chủ mà bất chấp nguy hiểm của bản thân.  B. Là người thức thời, tận dụng cơ hội để đổi đời.  C. Là người biết vun vén cho tình yêu, làm việc xấu để được lấy người mà mình yêu.  D. Là người tham lam, liều lĩnh, đểu cáng, tham gia màn kịch lập chúc thư giả, lợi dụng màn kịch này để thu vén lợi ích cho bản thân.  **Câu 12:** Đoạn văn in nghiêng ở đầu văn bản có ý tác dụng gì?  A. Tạo tiếng cười thú vị, sâu sắc cho màn kịch.  B. Chỉ dẫn việc vào, ra sân khấu của diễn viên, diễn xuất của diễn viên.  C. Chỉ dẫn cách nói năng của diễn viên.  D. Trình bày sơ lược, tóm tắt về bối cảnh tác phẩm, sự việc diễn ra trước đó để người đọc hiểu rõ hơn nội dung của đoạn trích.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đọc từng câu hỏi; HS đứng theo đội tham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án đúng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Công bố kết quả.  **\*Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Thảo luận theo kĩ thuật Think – pair – share:** Cho biết ý kiến của em về một trong hai nhận định dưới đây:  a. Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn có mặt trong các lớp kịch II, IV, V, VI.  b. Cái chúc thư cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * Học sinh thảo luận khi ghép cặp và lắng nghe những chia sẻ.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gợi ý: HS trình bày ý kiến của mình. Có thể theo hướng sau:  *\*Với ý kiến a:*  - HS có thể bày tỏ sự đồng tình với lí do:  + Gia tài là của cụ Di Lung và cái chúc thư dù thật dù giả đều gắn liền với nhân vật cụ Di Lung, nên dù vắng mặt, cụ Di Lung vẫn luôn hiện hữu trong lời nói, ý nghĩ và hành động của các nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý.  + Văn bản là một màn kịch, cụ Di Lung “giả” xuất hiện đầy quyền uy (do nhân vật Khiết người hầu trai của Hy Lạc giả danh) mang hình bóng của cụ Di Lung “thật”. Điều này gây cảm giác cụ Di Lung vẫn luôn hiện hữu.  - HS có thể bày tỏ sự không đồng tình bởi lí do: Không nên đồng nhất sự hiện hữu thật sự của nhận vật với ảo ảnh, hình bóng của nhân vật ấy.  *\*Với ý kiến b:*  - HS có thể bày tỏ sự đồng tình với lí do: Nhân vật trong tác phẩm văn học không phải chỉ có con người; trong nhiều trường hợp, thần thánh, ma quỷ, đồ vật, con vật cũng có thể được xây dựng như một hình tượng nhân vật nhân hóa, mang nghĩa biểu tượng. Trong VB, “cái chúc thư” có thể xem là hình tượng nhân vật mang nghĩa biểu tượng, tạo tính mập mờ, hài hước giữa thật và giả, giữa hợp pháp và bất hợp pháp, giữa việc tự nguyện cho thừa kế và việc giả danh để chiếm quyền thừa kế,...  - HS có thể bày tỏ sự không đồng tình bởi lí do: *Cái chúc thư* là VB kịch, nhân vật kịch khác với nhân vật truyện ở chỗ phải có hành động và được thể hiện qua hành động (lời thoại, hành vi, cử chỉ,...), tương tác với nhân vật khác, góp phần làm nảy sinh xung đột hay giải quyết xung đột. “Cái chúc thư” có thể xem là một hình ảnh biểu tượng, nhưng không thể/không nên xem là nhân vật kịch vì nó không có hành động. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  **Bài tập 1:** Bằng trải nghiệm của bản thân, em hãy nêu một số ý nói về tác hại của lòng tham.  **Bài tập 2: Dự án đọc hiểu VB**   * **Tập làm hoạt cảnh:** Yêu cầu HS chọn một đoạn trong văn bản *Cái chúc thư* để đóng kịch   **Lưu ý:** Tùy theo khả năng của HS, GV chọn 1 số HS tiêu biểu có năng khiếu thích hợp phụ trách, sau đó cho các HS khác tự nguyện đăng kí làm thành viên một trong nhóm kịch.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV gọi một vài HS chia sẻ về bài tập 1.  - Bài tập 2: Dự án  GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập. (Nếu không đủ thời gian thì có thể để HS báo cáo vào tiết học buổi chiều hoặc tiết học chuyên đề 2 Sân khấu hoá tác phẩm văn học).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gợi ý  Bài tập 1: HS cần chỉ ra được một số ý nói về tác hại của lòng tham.  \* Đối với bản thân người có lòng tham:  - Lòng tham khiến con người trở nên mù mịt, mộng mị, mê muội không nhìn thấy tác hại của những hành động mình đang làm.  - Lòng tham sẽ ăn mòn dần tâm trí của con người, khiến họ không thể phân biệt được đúng sai, khiến họ có những hành động đi trái lại với lương tâm, đạo đức, thậm chí là trái với pháp luật để trục lợi về bản thân mình.  - Lòng tham còn khiến bản thân mỗi người rơi vào vòng xoáy của tội lỗi, vào những vũng bùn của xã hội khó có thể quay đầu, khó có được lòng tin, sự tín nhiệm của người khác, lâu dần dẫn đến việc bị cô lập, cuộc sống tụt dốc và bị đào thải.  \* Đối với xã hội:  - Làm giảm đi các mối quan hệ tốt đẹp giữa con người và con người trong xã hội.  - Làm cho xã hội kém văn minh, kém phát triển.  - Làm lây lan các xu hướng tiêu cực, mất đi vẻ đẹp chân thực, trong sáng của con người. |  |

Tiết 60….. **ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**LOẠI VI TRÙNG QUÝ HIẾM**

**A-Zít Nê-xin ( Aziz Nesin)**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  PP vấn đáp  Em hiểu thế nào về câu “Lương y như từ mẫu” là gì? Theo em, nhiệm vụ hàng đầu của những người làm trong ngành y nói chung là gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Dự kiến sản phẩm**  - “Lương y như từ mẫu” là câu nói khái quát lên tình yêu thương của các y, bác sĩ đối với người bệnh. Những người làm trong ngành ý nói chung cần có lương tâm, trách nhiệm đối với người bệnh giống như tình yêu bao la của người mẹ hiền dành cho con.  - Nhiệm vụ hàng đầu của những người làm trong ngành y là tìm những phương án điều trị chữa bệnh cho bệnh nhân.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:  *Như chúng ta vừa tìm hiểu, những người làm trong ngành y ngoài cái tài ra còn cần có cả cái tâm để cứu chữa cho người bệnh. Nhưng trong thực tế, không phải ai cũng làm được điều đó, thậm chí còn có những người vô cảm, lạnh lùng. Có những người vì quyền lợi mà quên đi trách nhiệm của bản thân. Vị giáo sư trong truyện cười “Loại vi trùng quý hiếm” là một con người như vậy. Để thấy tiếng cười hài hước và sâu cay mà người viết hướng đến vị giáo sư vô cảm này, cô trò chúng ta cùng đi đọc VB kết nối chủ điểm ‘Loại vi trùng quý hiếm”* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **2.1. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm qua các câu hỏi (HS suy nghĩ và trả lời cá nhân):  **Câu 1**  ? Hãy cho biết xuất xứ của văn bản.  ? Văn bản viết về đề tài gì?  **Câu 2**  ? Tác giả đã sử dụng thể loại và PTBĐ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 HS đọc VB.  - GV mời 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.  - Chuẩn kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả:** A-zít Nê-xin (Aziz Nesin)  **2. Văn bản** ***a. Xuất xứ và thời gian ra đời***  *-* Theo *Tuổi trẻ cười,* số ra ngày 11/9/2019  ***b.  Đề tài:*** Lương tâm và trách nhiệm trong công việc  ***c. Thể loại, phương thức biểu đạt:***  ***- Thể loại:*** truyện trào phúng hiện đại  - ***Phương thức biểu đạt chính:***Tự sự |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **\* NV1: Tìm hiểu nhan đề của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HĐ CÁ NHÂN:**  Nhận xét về cách đặt nhan đề cho VB và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong VB  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi 1 – 2 HS lên trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét.  **\*NV2: Tìm hiểu nhân vật và các yếu tố gây cười trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Thảo luận nhóm: Kĩ thuật Khăn trải bàn (Hoàn thành PHT 01, 02)    **+ Nhóm 1, 2:** *Hoàn thành PHT 01*  **+ Nhóm 3, 4:** *Hoàn thành PHT 02*  \* **Câu hỏi chung cho 4 nhóm:** *Em cảm nhận thế nào về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong đoạn thơ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các cá nhân ghi câu trả lời ra giấy, sau đó thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn.  - Chia sẻ với nhóm lớn/cả lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi một số đại diện các nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá.  **\*NV3: Tìm hiểu chủ đề và thông điệp của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HĐ CÁ NHÂN:**  Nêu chủ đề của VB. Theo em, thông qua truyện cười này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi 1 – 2 HS lên trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Nhan đề**  **-** Mục đích: Châm biếm, mỉa mai.  - Đây là cụm từ có cách kết hợp từ đặc biệt: vi trùng gây bệnh cho bệnh nhân được hiểu là vi trùng có hại, lại kết hợp với từ “quý, hiếm”.  => Nhấn mạnh sự vui mừng của ông giáo sư vì tìm ra một loại vi trùng “quý, hiếm”, mang lại thành tựu nghiên cứu cho ông nhưng ông không hề để ý đến việc “loại vi trùng quý hiếm” ấy lại là tai họa đối với những bệnh nhân đang “sở hữu” nó.  => Nhan đề bao trùm được chủ đề của toàn VB là lương tâm và trách nhiệm với công việc của mình, đồng thời tạo ra tình huống khôi hài, phù hợp với chủ điểm của bài học 5.  **2. Nhân vật**  - Ông giáo sư và những người cộng sự thuộc hạng người vô cảm, làm khoa học một cách lạnh lùng, thuần túy, không vì con người:  + Khi phát hiện ra con “vi trùng quý hiếm” trong mắt bệnh nhân, việc đầu tiên ông giáo sư làm không phải là lo lắng và tìm cách chữa trị cho bệnh nhân mà là vui mừng vì cứ phải hàng triệu bệnh nhân mới có một trường hợp “may mắn như thế này”.  + Họ xem cơn đau của bệnh nhân, những căn bệnh của con người là cơ hội để phát triển sự nghiệp, tiến thân: cố gắng để nuôi con vi trùng bằng mọi giá để nghiên cứu, để nổi tiếng bất chấp sự nguy hiểm và đau đớn của bệnh nhân.  + Họ xem bệnh nhân chỉ như những con “chuột bạch”, những “ca” thí nghiệm, những vật hi sinh: ông ta suy đoán rằng sau 48 giờ, nếu không vô hiệu hóa được vi trùng thì bệnh nhân sẽ mù và cơn đau chấm dứt. Và ông ta vui mừng khi thấy sự suy đoán của mình là đúng. Ông ta không mảy may quan tâm đến bệnh tình của bệnh nhân.  => Thái độ của người kể chuyện đối với ông giáo sư và các cộng sự: Tuy người kể chuyện ngôi 3, tuy chỉ đứng bên ngoài để quan sát, mô tả nhưng thái độ phê phán, châm biếm dành cho ông giáo sư và những người cộng sự của ông ta khá rõ ràng. Điều này được thể hiện qua hành động máy móc, lời nói vô cảm của nhân vật ông giáo sư, tự nó toát lên tiếng cười phê phán, châm biếm; đồng thời, người kế chuyện cũng mượn điểm nhìn ông bác sĩ để phô bày hành động, lời nói, tâm địa của ông giáo sư.  **3. Các yếu tố gây cười trong VB**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố gây cười** | **Biểu hiện trong VB** | | *Hình tượng nhân vật* | Hình tượng ông giáo sự và các cộng sự của ông ta được vẽ theo lối biếm họa: phóng đại một số nét hành vi, lời nói khác thường (những lòi nói tàn nhẫn, vô cảm của nững người làm ngành y) | | *Tình huống trào phúng* | Nằm ngay trong nhan đề văn bản “Loại vi trùng quý hiếm”. Cụm từ/thuật ngữ quan trong trong lời nói, ý nghĩ và toàn bộ cách ứng xử của ông giáo sự, bác sĩ. *Và trên thực tế, ông giáo sư đã làm tất cả để nuôi con vi trùng “quý hiếm”, hoàn toàn vô trách nhiệm, bỏ rơi người bệnh, bất chấp sự nguy hiểm, đau đớn của họ,* (gây cười ở chỗ công việc của ông giáo sư nghiên cứu tìm ra phương thuốc chữa bệnh cho bệnh nhân nhưng trong VB ông vô cảm, tàn nhẫn, bỏ mặc sự sống cết của bệnh nhân, để nghiên cứu vì quyền lợi bản thân mình. | | *Ngôn ngữ trào phúng* | Tác giả sử dụng thủ pháp nói ngược (“tài năng”, “khả kính”) ở đoạn kết để tăng độ chua chát, mặn mà sâu sắc của tiếng cười trào phúng. |   **4. Chủ đề và thông điệp của VB**  - Chủ đề: Sự háo hanh đến lạnh lùng, vô cảm, vô trách nhiệm của vị giáo sư và các cộng sự của ông ta.  - Thông điệp: Hãy sống có lương tâm và trách nhiệm đối với công việc của mình, đừng vì ham hư danh mà quên mất đi bản chất công việc của mình. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Hướng dẫn HS tổng kết** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hoạt động cá nhân  Yêu cầu: Nêu những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**   * - HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * - GV hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**   * - GV gọi 1 -2 HS phát biểu. * - HS khác nhận xét, bổ sung   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các thủ pháp gây cười đặc sắc.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật biếm họa.  - Ngôn ngữ trào phúng với thủ pháp nói ngược đặc sắc  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Từ việc vị giáo sư và các cộng sự chỉ chăm lo nghiên cứu con vi trùng “quý hiếm” mà quên đi bản chất công việc của mình là cứu người, VB phê phán bệnh ham hư vinh bất chấp cả lương tâm và trách nhiệm với nghề. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ:** **Trò chơi *“Câu cá”***  GV phổ biến luật chơi: Trong trò chơi này học sinh sẽ vào vai người đi câu cá. Và thay vì ngồi câu cá thật thì học sinh sẽ trả lời các câu hỏi khác nhau. Nếu trả lời đúng thì sẽ bắt được cá, nếu trả lời sai thì sẽ để tuột mất cá. Hãy cố gắng bắt được nhiều cá nhất nhé!  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ, tham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Tổng kết phần chơi và tuyên bố đội chiến thắng.  **Gợi ý nhóm câu hỏi:**  **Câu 1:** VB *Loại vi trùng quý hiếm* thuộc thể loại nào?  A. Truyện ngắn B. Truyện cười  C. Hài kịch D. VB thông tin  Đáp án: B  **Câu 2: “**Loại vi trùng quý hiếm” được nhắc đến trong VB là gì?  A. Loại vi trùng gây hại cho mắt, rất ít gặp trên thế giới.  B. Loại vi trùng có lợi, giúp ích cho bệnh nhân trong quá trình điều trị.  C. Loại vi trùng do giáo sư và các cộng sự của ông ta nghiên cứu, phát minh ra để phục vụ cho công việc của mình.  D. Loại vi trùng mang lại giá trị kinh tế cao, đúng với sự “quý hiếm” mà nó mang lại.  Đáp án: A  **Câu 3:** Nhân vật vị giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người nào?  A. Những người tham lam, vô trách nhiệm với công việc.  B. Những người ưa sĩ diện, khoe khoang về thành tích của mình.  C. Những người lạnh lùng, vô cảm, làm khoa học một cách lạnh lùng, thuần túy, không vì con người.  D. Người tận tâm, hết lòng với công việc nghiên cứu của mình.  Đáp án: C  **Câu 4:** Đâu *không phải* là yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong VB?  A. Tạo tình huống trào phúng hài hước, châm biếm sự vô tâm, tàn nhẫn của vị giáo sư.  B. Hình tượng ông giáo sư và các cộng sự được vẽ theo lối biếm họa.  C. Ngôn ngữ hài hước qua thủ pháp nói ngược.  D. Sử dụng lối nói khoa trương, phóng đại.  Đáp án: D |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ: Viết tích cực**  **Yêu cầu HS:** Em hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của mình về tác hại của bệnh vô cảm trong xã hội.  - Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.  - Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn.  - Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn.  - Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.  **\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** | | **Hình thức** | Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **1** | | Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** | | **Nội dung** | **Giới thiệu** vấn đề nghị luận: bệnh vô cảm trong xã hội | **0,5** | | *-* ***Giải thích*** *thói vô cảm:* Vô cảm thái độ lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm, không quan tâm đến mọi người, mọi vật xung quanh. Bên cạnh đó, vô cảm còn là sự không rung cảm trước nỗi đau khổ, bất hạnh của người khác, của đồng loại. Người sống vô cảm là người ích kỉ, hẹp hòi, lạnh lùng, chúng ta không nên sống theo lối sống này.  *- Tác hại của thói vô cảm:*  + Đối với cá nhân người mắc bệnh vô cảm:  ++ Tự mình tách biệt với xung quanh, không có sự gắn kết với mọi người, dần dần cảm thấy cô độc.  ++ Việc không rung cảm, yêu thương, san sẻ và giúp đỡ người xung quanh không những đáng nhận lại chỉ trích mà sẽ bị cả xã hội lên án về lối sống này.  ++ Người vô cảm sẽ nảy sinh những tính xấu khác: hẹp hòi, chỉ biết đến bản thân, ích kỉ, nhỏ nhen, dần sẽ trở thành người xấu bị mọi người né tránh.  + Đối với xã hội: Làm mất đi giá trị truyền thống tốt đẹp của ông cha ta từ bao đời nay; xã hội kém văn minh, phát triển. | **3** | | **Dẫn chứng:** Các hành vi vô cảm trong xã hội | **1** | | Bài học nhận thức và hành động: Cần có sự chia sẻ, yêu thương với mọi người, đặc biệt với những người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh. | **2** | | **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** | | **Sáng tạo** | Thể hiện bài học nhận thức sâu sắc; có mối liên hệ so sánh với đời sống hiện tại. | **1,0** | |  |

**Tiết 61,62…… THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(*Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ*)**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  (1) Em hãy ghi lại các từ dùng để bộc lộ cảm xúc và các từ dùng để gọi – đáp xuất hiện trong đoạn hội thoại sau:  Gà mẹ và gà con đang đi kiếm thức ăn. Bỗng một con rắn xuất hiện:  Rắn: - Ứ ừ! Miếng mồi ngon đây rồi!  Gà con: Ớ! Gì thế? Cứu! Cứu với!  Gà mẹ: Trời ơi! Chuyện gì thế kia!  Gà mẹ vội vàng lao ra, mổ vào đuôi khiến con rắn giật mình. Gà mẹ và gà con vội vàng chạy đi. Tự nhiên, một bác gấu xuất hiện.  Bác Gấu: Hai mẹ con đừng sợ! Không phải chạy! Tôi sẽ xử lí con rắn này!  Gà mẹ: Ấy ấy! Chị đừng vào! Con rắn to lắm, rất nguy hiểm  Bác Gấu: - Ôi chao! Có lớn đến mấy thì cũng không đọ được với tôi.  Gà mẹ: Tôi sẽ giúp bác! (quay sang nói với gà con) Con mau chạy về nhà trước đi.  Gà con: - Vâng ạ!  (2) Ý nghĩa của những câu sau thay đổi như thế nào khi xuất hiện các từ in đậm:  + Nó ăn hai bát cơm.  + Nó ăn ***những*** hai bát cơm.  + Nó ăn ***có*** hai bát cơm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS hướng lên màn hình, suy nghĩ độc lập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS giơ tay trả lời.  **Dự kiến sản phẩm**  (1) **\* Từ để gọi đáp:**  Gà con: **- Vâng ạ!**  **\* Các từ dùng để bộc lộ cảm xúc:**  Rắn: - **Ứ ừ!** Miếng mồi ngon đây rồi!  Gà con: **Ớ!** Gì thế? Cứu! Cứu với!  Gà mẹ: **Trời ơi!** Chuyện gì thế kia!  **Ấy ấy!** Chị đừng vào!  Bác Gấu: **- Ôi chao!** Có lớn đến mấy thì cũng không đọ được với tôi.  (2) + Nó ăn hai bát cơm: câu trần thuật, sắc thái trung tính  + Nó ăn ***những***hai bát cơm: Nhấn mạnh nó ăn nhiều ***(những)***  + Nó ăn ***có*** hai bát cơm: Nhấn mạnh nó ăn ít ***(có)***  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Dẫn vào bài:** *Những từ ngữ ở câu hỏi (1) gọi là thán từ, câu hỏi (2) là trợ từ. Vậy thán từ, trợ từ là gì? Thán từ và trợ từ có đặc điểm như thế nào và có chức năng gì? Để hiểu rõ điều đó, chúng ta đi vào tiết thực hành Tiếng Việt ngày hôm nay!* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **2.1. Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về trợ từ, thán từ** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu về đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại ví dụ ở phần Khởi động và đọc sgk và nêu khái niệm, đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.   * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu về đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**  **1. Trợ từ**  **a. Khái niệm**  - *Trợ từ* là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ: *những, có, chính, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...*  *- Trợ từ* không có vị trí cố định ở trong câu.  **b. Chức năng**  - Trợ từ nhấn mạnh (*những, có, chính, mỗi, ngay,...*): thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.  - Trợ từ tình thái (tiểu từ tình thái) *(à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nhen, nghen, đấy, này,...*): thường đứng ở đầu và cuối câu, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói.  **2. Thán từ**  **a. Khái niệm**  *- Thán từ* là những từ dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.  - *Thán từ* thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng kèm theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt,...tương ứng với cảm xúc mà thán từ biểu thị.  **b. Chức năng**  - Thán từ bộc lộ cảm xúc (*a, á, ô, ôi, ối, chà,...*): dùng để bộc lộ các trạng thái cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...).  - Thán từ gọi đáp (*ơi, dạ, vâng, ừ,...*) |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Thực hành tiếng Việt về trợ từ, thán từ** | |
| **\* Hướng dẫn HS thực hành BT1, BT2, BT3, BT4**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Lớp chia thành 4 nhóm.**  **-** Nhóm 1: BT1  - Nhóm 2: BT2  - Nhóm 3: BT3  - Nhóm 4: BT4  Cụ thể yêu cầu các BT như sau:  **BT1: Xác định trợ từ, thán từ và điền vào bảng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Thán từ** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   **BT2: Tìm thán từ, giải thích nghĩa và nêu chức năng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thán từ** | **Nghĩa và chức năng** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   **BT3:** Lần lượt thực hiện các yêu cầu:  - Xác định câu chứa trợ từ trong các cặp câu a1 – a2 và b1 – b2  - Kẻ bảng theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trợ từ | Đặc điểm | |  |  |  | |  |  |  |   - Giải thích vì sao các từ in đậm trong những câu còn lại không phải là trợ từ  **BT4: Tìm trợ từ, giải thích nghĩa và nêu chức năng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Đặc điểm và chức năng** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện lần lượt nhiệm vụ theo yêu cầu   * GV hỗ trợ, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS lần lượt treo tờ A0 bài làm của mình lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **Hướng dẫn HS thực hành BT5**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: luân phiên làm thí sinh và giám khảo:  Chia lớp thành nhóm chẵn và nhóm lẻ:  - Với bài tập đặt câu có sử dụng trợ từ: nhóm chẵn đặt câu, chỉ ra trợ từ, nhóm lẻ làm giám khảo đánh giá, cho điểm.  - Với bài tập đặt câu có sử dụng thán từ: nhóm lẻ đặt câu, chỉ ra thán từ, nhóm chẵn làm giám khảo đánh giá, cho điểm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**   * HS thực hiện lần lượt nhiệm vụ theo yêu cầu * GV hỗ trợ, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS lần lượt báo cáo kết quả thảo luận  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).  **Hướng dẫn HS thực hành BT6**  **(HS làm việc cá nhân)** | **II. Thực hành**  **1. Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Thán từ** | | a | *à* | *A* | | b | *chứ, cả* | *vâng* | | c | *ạ, đâu* |  |   **2. Bài tập 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thán từ** | **Nghĩa và chức năng** | | a | **ớ**  **này**  **- Ớ này!** *Vào đây, các chú.* | **ớ**: (khẩu ngữ) từ gọi dùng để gọi người ở xa, thường là không quen.  **này**: từ thốt ra như để gọi người đối thoại, bảo hãy chú ý.  Chức năng: gọi đáp. | | b | **ồ**  **-** “Cụ lớn”, **ồ, ồ,** cụ lớn! | **ồ:** từ thốt ra biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, bất ngờ.  Chức năng: bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | c | **ô kìa**  **- Ô kìa,** bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi. | **ô kìa:** từ thốt ra biểu lộ sự ngạc nhiên cao độ.  Chức năng: bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |   **3. Bài tập 3**  - Từ in đậm trong các câu a1, b1 là trợ từ. Cụ thể:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Đặc điểm** | | a1 | **mất**  *Tôi đau đớn quá! Tôi chết* ***mất*** *thôi.* | Từ biểu thị ý nhấn mạnh về mức độ của một tình cảm mà mình cảm thấy không sao kìm được (sự đau đớn) | | b1 | **kia**  Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm **kia**, cậu ạ! | Từ biểu thị ý nhấn mạnh cho người đối thoại chú ý đến điều vừa được nói đến, ý như muốn bảo rằng: như thế đấy, chứ không phải khác đâu. |   - Với các câu a2 và b2:  + Từ **mất** trong câu a2 là động từ, không phải trợ từ.  + Từ **kia** trong câu b2 là đại từ chỉ định, không phải trợ từ.  **4. Bài tập 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trợ từ** | **Đặc điểm và chức năng** | | a | ***ư***  *Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều đến thế* ***ư?*** | ***ư*:** từ biểu thị ý hỏi, biểu thị thái độ ngạc nhiên trước điều mình có phần không ngờ tới.  - Chức năng: tạo kiểu câu nghi vấn, thể hiện thái độ của người nói.  - Đây là trợ từ tình thái. | | b | ***à***  *Bệnh nhân mới* ***à****? Anh ta làm sao?* | ***à***: từ biểu thị ý hỏi để rõ thêm về điều mình có phần ngạc nhiên.  - Chức năng: tạo kiểu câu nghi vấn, thể hiện thái độ của người nói.  - Đây là trợ từ tình thái. | | c | ***ạ***  *Bẩm, đúng* ***ạ****!* | ***ạ***: từ biểu thị ý kính trọng khi nói chuyện với những người ở có vị trí, tuổi tác, thứ bậc,...cao hơn mình.  - Chức năng: tạo kiểu câu cảm thán, thể hiện thái độ kính trọng của người nói.  - Đây là trợ từ tình thái. | | d | ***đến***  *Ngài và đoàn tùy tùng của ngài làm việc* ***đến*** *quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.* | ***đến****:* từ biểu thị ý nhấn mạnh về tính chất bất thường của một hiện tượng để làm nổi bật mức độ cao của một việc nào đó.  - Chức năng: đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh, nhấn mạnh mức độ làm việc *(đến quên ăn quên ngủ)* của “ngài và đoàn tùy tùng)  - Đây là trợ từ nhấn mạnh. |   **5. Bài tập 5: Đặt hai câu sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ:**  **Gợi ý:** - Câu sử dụng trợ từ:  *+ Hôm nay trả bài kiểm tra văn, tớ được* ***nhữn****g 8 điểm cơ đấy.*  (trợ từ nhấn mạnh)  + *Xe tớ bị hỏng, mai cậu qua nhà đón tớ đi học với* ***nhé****!*  (trợ từ tình thái)  - Câu sử dụng thán từ:  *+* ***Ôi****! Em bé dễ thương làm sao!*  (Thán từ bộc lộ cảm xúc)  + *Hương* ***ơi****, đến giờ vào lớp rồi!*  (Thán từ dùng để gọi - đáp)  **6.****Bài tập 6**  - HS đã thực hành sân khấu hóa trong HĐ vận dụng khi đọc hiểu 2 VB: *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* và *Cái chúc thư.*  - HS nhớ lại hoạt động sân khấu hóa đó và trả lời câu hỏi: các em đã sử dụng trợ từ, thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó. (HS suy nghĩ và trả lời cá nhân hoặc theo nhóm mà mình đóng sân khấu hóa). |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ: Vận dụng thán từ, trợ từ trong cuộc sống**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HĐ Cặp đôi hoàn thành các yêu cầu sau:**  a. Nếu bạn là nhân vật trong các tình huống sau bạn sẽ dùng câu có thán từ hoặc trợ từ như thế nào để khen ngợi, động viên hoặc bày tỏ lòng cảm ơn.  **Tình huống 1:** Bạn đi học về, chạy vào bếp chào mẹ, bạn thấy mẹ đã chuẩn bị xong bữa trưa có rất nhiều món ngon, thơm lừng.  **Tình huống 2:** Bạn trông thấy bố đi làm về, mồ hôi ướt đẫm lưng áo.  **Tình huống 3:** Đến ngày sinh nhật của em, em được các bạn tặng những món quà được gói rất đẹp.  Từ bài tập phần a, em rút ra bài học gì khi vận dụng trợ từ, thán từ trong cuộc sống?  Gợi ý trả lời:  \* **TH1**: + **Ôi!** Con đói quá mẹ ạ!  + **A**! Toàn món con thích mẹ ạ!  + Hôm nay mẹ nấu **những** ba món con thích cơ ạ! Con yêu mẹ quá đi!  + **Chà**, giá như ngày nào con cũng được ăn bữa cơm thịnh soạn thế này thì tốt biết bao.  \***TH2**: + **A**! Bố đã về.  + **Ôi!** Mồ hôi ướt hết lưng áo của bố rồi kìa!  + Bố **ơi,** con thương bố nhiều lắm!  **\*TH3:** + **Á**! Đúng chiếc cặp tóc mà tớ thích từ lâu rồi nè. Cảm ơn cậu!  + **Ôi!** Mình thật xúc động khi các bạn đến dự sinh nhật mình đông đủ thế này.  b. Bài học: Chúng ta hãy sử dụng thán từ, trợ từ phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ bày tỏ sự quan tâm, động viên, khen ngợi mọi người xung quanh, bày tỏ lòng cảm ơn của mình với những điều tốt đẹp mà mọi người mang đến cho chúng ta nhé!  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Các cặp đôi thảo luận, hoàn thành yêu cầu a, b.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi 1 – 2 cặp đôi báo cáo sản phẩm thảo luận.  Các cặp khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá, kết luận. |  |

**Tiết…63 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**“ THUYỀN TRƯỞNG TÀU VIỄN DƯƠNG”**

**Lưu Quang Vũ**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Cho HS xem đoạn phim hoạt hình *Chết vì bệnh sĩ diện* và trả lời câu hỏi dưới đây:**  [**https://myclip.vn/video/8677269/chet-vi-benh-si-dien-phim-hoat-hinh-hay-nhat**](https://myclip.vn/video/8677269/chet-vi-benh-si-dien-phim-hoat-hinh-hay-nhat)  *Theo em, bệnh sĩ diện của nhân vật trong đoạn phim hoạt hình được thể hiện qua những hành động nào? Nhân vật đó phải nhận hậu quả gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và trả lời.  - GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS chia sẻ những suy nghĩ của bản thân  **Dự kiến trả lời**: Bệnh sĩ diện của ông lão trong đoạn phim hoạt hình thể hiện ở việc ông dùng hết tiền lương hưu của hai vợ chồng để mua một chiếc két sắt mới nhằm khoe mẽ với hàng xóm là mình có tiền, có của; vì mua két sắt nên hai vợ chồng đến bữa cơm chỉ ăn rau và lạc.  Hậu quả: Ông lão bị đau bụng; bà vợ sang nhà hàng xóm vay tiền để mua thuốc cho ông lão => lộ ra “bệnh sĩ diện” của ông lão.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài**:  *Qua đoạn phim trên, chúng ta đã một phần nào đó hiểu được về tác hại của bệnh sĩ diện trong cuộc sống. Trong VB “Thuyền trưởng tàu viễn dương” mà chúng ta học ngày hôm nay, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về căn bệnh nhức nhối này và có những bài học ứng xử phù hợp cho mình.* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **2.1. Trải nghiệm cùng VB** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả Lưu Quang Vũ và tác phẩm *Bệnh sĩ***  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Lưu Quang Vũ (Thân thế cuộc đời, sự nghiệp văn học).  - HS trình bày ngắn gọn một số hiểu biết của mình về tác giả Lưu Quang Vũ và vở kịch *Gia tài.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS giới thiệu trước nhóm, tổ.  - Đại diện nhóm trình bày trong vai MC để giới thiệu về tác giả Lưu Quang Vũ  cà vở kịch *Bệnh sĩ* .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  C:\Users\Admin\Desktop\images.jpg  ***Chân dung Lưu Quang Vũ***  Các vở kịch, truyện ngắn, thơ của Lưu Quang Vũ giàu tính hiện thực và nhân văn cũng như in đậm dấu ấn của từng giai đoạn trong cuộc sống của ông.  - Rất nhiều các tác phẩm của ông đã làm sôi động sân khấu Việt nam thời kỳ đó như: [*Hồn Trương Ba da hàng thịt*](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93n_Tr%C6%B0%C6%A1ng_Ba,_da_h%C3%A0ng_th%E1%BB%8Bt), *Lời thề thứ 9*, *Bệnh sĩ*, *Khoảnh khắc và vô tận*, *Ông không phải bố tôi*, *Tôi và chúng ta*, *Tin ở hoa hồng*, *Nàng Sita*, v.v.  Lưu Quang Vũ được truy tặng [Giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) đợt 2 (năm 2000) về nghệ thuật sân khấu.  - Ông được xem là một hiện tượng sân khấu, là tượng đài kịch Việt Nam.  **NV2: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  (1) **Đọc:** GV  - GV cho HS đọc VB ở nhà.  (2) Hoạt động thảo luận nhóm bàn, mỗi bàn 1 nhóm.  - Giới thiệu về đoạn trích *“Thuyền trưởng tàu viễn dương”* qua các thông tin trong PHT 01.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Trình bày thông tin cơ bản về văn bản.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - HS cần ghi chép nhanh các thông tin chính về VB, tác giả. Sau đó GV tổng kết lại các ý chính.  **GV bổ sung thêm (nếu cần)**  Chân dung nhà văn Lưu Quang Vũ  - Tóm tắt vở kịch: *Bệnh sĩ*  - Lưu ý về thời điểm vở kịch ra đời: Chính sách Đổi mới được chính thức thực hiện từ [Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần VI](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%99i_%C4%91%E1%BA%A1i_bi%E1%BB%83u_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam_l%E1%BA%A7n_VI), năm 1986. Năm 1988, vở kịch ra đời, thời điểm, thời điểm bắt đầu thực hiện Khoán 10 trong nông nghiệp, đất nước gặp muôn vàn khó khăn. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**  **1. Tác giả**  **a. Thân thế, cuộc đời**  - Lưu Quang Vũ (1948- 1988), sinh ra ở Phú Thọ, quê gốc ở Đà Nẵng, sống chủ yếu ở Hà Nội; là nhà soạn kịch, nhà thơ và nhà văn hiện đại của Việt Nam.  - Từ năm 1965 đến 1970, ông nhập ngũ và phục vụ trong quân đội. Đây là thời kì thơ Lưu Quang Vũ phát triển nở rộ.  - Từ năm 1970 đến 1975, ông làm đủ mọi nghề để mưu sinh.  **b. Sự nghiệp sáng tác**  - Những tác phẩm của Lưu Quang Vũ bắt đầu nổi lên từ những năm 80, lúc ấy đất nước đang trong giai đoạn vô cùng khó khăn. Các tác phẩm của ông đã để lại một dấu ấn trong lòng bạn đọc bởi tính chân thật, nhân văn. Ông đã sáng tác gần 50 vở kịch và hầu hết các vở kịch ấy đều được các đoàn kịch lớn dựng lại của nhiều đạo diễn nổi tiếng.  - Vở kịch tiêu biểu: Hồn trương ba da hàng thịt, [*Tôi và chúng ta*](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4i_v%C3%A0_ch%C3%BAng_ta)*, Bệnh sĩ, Điều không thể mất, …*  **2. Vở kịch: “Bệnh sĩ”**  - **Thời điểm sáng tác**: năm 1988, thời điểm đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới với rất nhiều khó khăn, trở ngại.  - **Tóm tắt vở kịch**: Bệnh sĩ (SGK)  **- Thể loại:** Hài kịch  **- Bối cảnh tác phẩm**: ở làng quê nghèo mang tên Cà Hạ, với người dân chân thật, giản dị nhưng họ có mong muốn làng quê giàu có hơn ít nhất là về danh tiếng. Từ đó, truyện tạo nên những tình huống dở khóc, dở cười, vừa hài hước, vừa sâu cay.  **3. Văn bản: *“Thuyền trưởng tàu viễn dương”***  **a. Đọc, tìm hiểu từ khó**  **b. Tìm hiểu chung văn bản**  **- Vị trí:** Văn bản nằm cảnh VI của vở hài kịch “Bệnh sĩ” (kịch sáu cảnh).  **- Cốt truyện:** xoay quanh sự việc Hưng nói dối mình là ‘thuyền trưởng tàu viễn dương” và sự việc Hưng trở ông Toàn Nha đi cấp cứu trên “tàu viễn dương”.  **- Bối cảnh đoạn trích:** Tại chiếc tàu chở phân đạm của Hưng và Tiến (trong mộng tưởng của ông Toàn Nha là “tàu viễn dương”).  **- Đề tài**: Bức tranh nông thôn Việt Nam thời kì đầu đổi mới, căn bệnh thành tích, háo danh, dẫn đến thói sĩ diện rởm đời, cao hơn là sự dối trá thiếu trung thực lan tràn khắp xã hội.  **- Tóm tắt văn bản:** SGK |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| ***NV1:* Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình thức trình bày kịch bản và các chỉ dẫn sân khấu**  **\*HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - *Nêu cách trình bày kịch bản của VB.*  *- Chỉ ra các chỉ dẫn sân khấu và chức năng của các chỉ dẫn ấy.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận theo yêu cầu  + GV quan sát, khích lệ HS.  + câu hỏi phụ (nếu cần gợi dẫn)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện 1 vài HS trả lời.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.  ***NV2:* Các đặc điểm của hài kịch thể hiện trong đoạn trích**  **\* *Thao tác 1:* Tìm hiểu yếu tố nhân vật trong VB**  **\*HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận cặp đôi, và thực hiện yêu cầu:Liệt kê tên các nhân vật trong VB và cho biết:  - Các nhân vật ấy là hiện thân cho “cái cao cả” hay “cái thấp kém”?  - Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .  **\* *Thao tác 2:* Tìm hiểu yếu tố hành động, xung đột kịch trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Cả lớp chia thành 4 nhóm:**  **- Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu hành động làm nảy sinh xung đột kịch và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật; giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn **(PHT 02).**  **Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu hành động làm nảy sinh xung đột kịch và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật; giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn **(PHT 03).**  **Câu hỏi chung:** Xác định kiểu xung đột của vở kịch.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm trong 7 phút.  - Trình bày sản phẩm ra tờ A0.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ***NV3: Tìm hiểu về các nhân vật trong đoạn trích***  **HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ Nhóm bàn dãy 1:** Tìm hiểu nhân vật Hưng – “thuyền trưởng tàu viễn dương” **(PHT 05)**  **+ Nhóm bàn dãy 2:** Tìm hiểu nhân vật ông Toàn Nha **(PHT 06)**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện 2 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chuẩn hóa kiến thức.  **\*Tìm hiểu các nhân vật khác: Thực hiện các thao tác hoạt động cá nhân.**  ***NV4:* Tìm hiểu về ý nghĩa đoạn trích**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *Theo em, văn bản “Thuyền trưởng tàu viễn dương” phê phán hiện tượng gì? Điều đó còn có ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay không?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tự do phát biểu để trình bày ý nghĩa của VB.  - HS ghi lại câu trả lời của mình.  - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo, chia sẻ. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  **1. Hình thức trình bày kịch bản và các chỉ dẫn sân khấu**  **\* Kịch bản được trình bày chủ yếu:**  Nêu tên hệ thống nhân vật và lời thoại mỗi nhân vật và các chỉ dẫn sân khấu  **\* Các chỉ dẫn sân khấu:**  **- Các cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như:**  + Tiến: ...*(suy nghĩ)...;...(chỉ vào một thùng gỗ to, ở ngoài có vẽ hình cái ô và cái cốc*  + Xoan: ...*(giật mình)...;...(vội nhảy khỏi cái hòm)...;*  *+* Ông Toàn Nha: ...*(cố ngồi dậy, nửa nằm, nửa quỳ, vung tay)...; (ngã gục)*  *...*  **- Các câu văn, đoạn in nghiêng:** *...; (Đẩy Hưng chui vào hòm, đóng nắp lại. Nhàn và Xoan xuất hiện.); (Đẩy Nhàn và Xoan. Cả ba định đi. Bỗng có một tiếng nổ dữ dội. Xoan, Nhàn giật mình. Tiếng nổ và tiếng la hét vọng tới.); (Cả mấy người định chạy đi thì có tiếng huyên náo)*  => Là lời của tác giả, người viết kịch bản. Tác dụng: gợi ý, chỉ dẫn việc ra, vào sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên; cách bài trí sân khấu,...   1. **Các đặc điểm của hài kịch thể hiện trong đoạn trích**   **a. Nhân vật**  - Tên các nhân vật trong VB: Ông Toàn Nha, Xoan, Tiến, Nhàn, Ông Độp, Văn Sửu, Ông Thịnh  - Đối tượng mà tiếng cười hướng là nhân vật Hưng – “thuyền trưởng tàu viễn dương” vì lời nói dối, vì ‘sĩ diện” nên không dám gặp Nhàn, phải trốn vào thùng gỗ; ông Toàn Nha với thói xấu “bệnh sĩ diện” một cách lố bịch. nhân vật Tiến bao che cho hành động nói đối của nhân vật Hưng...  => Các nhân vật đều đại diện cho “cái thấp kém”  **b. Hành động và xung đột kịch**  **\* Các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật: giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bên của xung đột** | **Các hành động làm nảy sinh xung đột** | **Các hành động giải quyết xung đột** | | Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn | - Tiến, Hưng: Tiến bày cho Hưng cách tránh mặt Nhàn, Xoan bằng cách chui vào thùng và nói dối là “thuyền trưởng đi vắng. Núp trong thùng, Hưng vô tình tạo ra tiếng động,...  - Xoan, Nhàn; tỏ ý ngờ vực, sốt ruột; phát hiện tiếng động, nghe Tiến giải thích (nói dối là tiếng chuột chạy. Xoan tỏ rõ sự sốt sắng muốn tìm cách diệt chuột (vì ghét lũ chuột phá hoại mùa màng) | - Tiến, Hưng:  Hành vi/lời thoại: Hưng vẫn núp trong thùng; Tiến tìm lời chống chế.  - Xoan, Nhàn:  Hành vi/lời thoại: Xoan muốn ném cái thùng gỗ xuống sông để nhấn chết con chuột. Tiến lại tìm lời chống chế để cứu nguy cho Hưng (vì thương chuột, không nỡ giết chúng); Nhàn cho rằng đó là “lòng nhân đạo” rất lạ lùng...  Giữa lúc đó thì có tiếng nổ và tiếng kêu cứu. Hưng buộc phải chui ra |     \* **Các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật: giữa Hưng và Nhàn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bên xung đột** | **Các hành động làm nảy sinh xung đột** | **Các hành động giải quyết xung đột** | | **Hưng- Nhàn** | - Hưng: Nói dối Nhàn về chuyện mình là thuyền trưởng “tàu viễn dương”. Trốn trong thùng gỗ để che giấu thân phận của mình, sợ bại lộ.  - Nhàn: Biết Hưng nói dối nhưng cũng không nói ra và thắc mắc không biết vì sao Hưng phải nói dối như vậy... | - Hưng:  Hành vi/lời thoại: thú nhận sự thật với Nhàn về công việc của mình. Tạm thời chưa giải thích lí do nói dối vì lo chuyện trước mắt.  - Nhàn: Nói ra việc mình đã biết Hưng nói dối. Bày tỏ sự băn khoăn về lí do Hưng nói dối. |   **\* Kiểu xung đột trong VB:** Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”.  => Hành động và xung đột hài kịch tập trung thể hiện chủ đề văn bản: “bệnh sĩ diện” thông qua những lời nói và hành động lố bịch.  **c. Thủ pháp trào phúng**  - *Thủ pháp phóng đại:* Phóng đại tính không hợp tình thế trong hành động của nhân vật: nhân vật ông Toàn Nha trong hoàn cảnh “nguy hiểm đến tính mạng” nhưng vẫn không quên bệnh khoe khoang về thành tựu đổi mới của mình, nằm trên tàu chở phân đi cấp cứu mà cứ tưởng mình đang nằm trên “tàu viễn dương”  - *Sử dụng lối nói mỉa mai, hài hước, châm biếm*: lời nhân vật Tiến nói với Xoan, Nhàn: “*Háo danh, sĩ, cứ phải viễn dương cơ, biển cơ,..)*  - *Tạo tình huống xung đột gây cười*: Tạo tình huống xung đột giữa các nhân vật để tô đậm lên tác hại của sự giả dối. Như Hưng nói dối Nhàn nhưng Nhàn lại biết sự thật; Ông Nha bị bỏng nhưng khi tỉnh dậy vẫn nghĩ mình đang ở trên tàu viễn dương; cảnh Tiến cố tình chống chế để che giấu cho Hưng cũng là yếu tố gây cười trong VB.  **2. Các nhân vật trong đoạn trích**  **a. Nhân vật Hưng - “thuyền trưởng tàu viễn dương”**  **- Khái quát về nhân vật:** Là người lái tàu đường sông (chở phân đạm), người yêu cô Nhàn – con gái ông Toàn Nha, chủ tịch xã. Vì muốn ông Toàn Nha chấp nhận là con rể nên đã nói dối mình là thuyền trưởng tàu viễn dương và sẽ xuất hiện như một khách mời trong buổi lễ tổng kết phong trào đổi mới của xã.  - **Hành động:**  + Vì để được ông Toàn Nha là con rể, nói dối mình là “thuyền trưởng tàu viễn dương” để xuất hiện như một khách mời trong lễ tổng kết cũa xã.  + Vì tự trọng, bỏ dở “vai diễn”.  + Gặp Nhàn, sợ lộ, chui vào thùng gỗ.  + Xuất hiện, nói sự thật với Nhàn.  + Chở ông Toàn Nha đi cấp cứu bằng tàu chở phân đạm của mình.  - **Ngôn ngữ**: chủ yếu là các lời thoại gần gũi với đời thường.  => Nhận xét về nhân vật:  + Là nạn nhân của ‘bệnh sĩ”, “bệnh sĩ” trầm trọng của ông Toàn Nha đã đẩy nhân vật Hưng vào tình huống khôi hài, lố bịch.  **b. Nhân vật ông Toàn Nha**  **- Khái quát về nhân vật:**  + Vị trí: chủ tịch xã.  + Mong muốn, kì vọng của ông Nha: muốn cải cách, đi đầu trong việc đổi mới, dẹp bỏ cái manh mún, đi vào cái gọi là công nghệ, hiện đại -> không xuất phát từ thực tế, vì thực tế xã Cà Hạ cuộc sống còn rất nghèo nàn, lạc hậu (đây là thực tế chung của các hợp tác xã ở cuối thế kỉ XX, khi bắt đầu công cuộc đổi mới); ảo tưởng về bản thân.  **- Hành động:** Trong VB, vẫn tin đường lối đổi mới của mình là đúng: bị thương trong vụ nổ do thuốc pháo nhưng lại khen pháo mạnh thật, dùng vụ nổ quảng bá tiếng tăm của ông và quê hương; nằm trên tàu chở phân đi cấp cứu vẫn nghĩ là mình nằm trên tàu viễn dương.  **->Nhận xét về hành động của ông Nha**  + Hồ đồ, khuếch trương gây hậu quả khôn lường.  + Hài hước, gây cười vì đó **là hành động của người nóng vội, thiếu hiểu biết,** kiểu “*ếch ngồi đáy giếng”.*  **- Ngôn ngữ của ông Toàn Nha:** Ngôn ngữ: dài dòng, văn hoa, sáo rỗng, có tính chất đại ngôn.  **- Đánh giá về đặc điểm tính cách nhân vật:**  **+** Ông Toàn Nha là nhân vật hiện thân đầy đủ cho người mắc bệnh sĩ: các biểu hiện của bệnh sĩ (háo danh, trọng hình thức, ngụy tạo thành tích,...) ở nhân vật này đã gây ra những ngộ nhận và hậu quả tại hại, nghiêm trọng: nó lây lan, nhân rộng ra những người xung quanh khiến nhiều người phải thay đổi, không còn là mình, bị đẩy vào các tình huống lố bịch, gây cười.  + Đến hết vở kịch, ông ta chưa tỉnh ngộ. Đến khi nằm trên tàu chở phân đi cấp cứu, ông ta vẫn sung sướng, hãnh diện vì được thằng con rể dùng con tàu viễn dương chở đến bệnh viện.  => Bệnh sĩ diện mức trầm trọng.  **b. Các nhân vật khác**  Các nhân vật còn lại: góp phần tạo nên những tình huống khôi hài, làm nổi bật ‘bệnh sĩ’ của ông Toàn Nha.  **4. Ý nghĩa của đoạn trích**  Mục đích của văn bản là muốn dùng tiếng cười để phê phán thói háo danh, thích khoa trương, bệnh thành tích chỉ nói mà không làm; đồng thời phê phán những hành vi tiếp tay cho “bệnh sĩ”, lây lan những hành vi đó ra xã hội. Điều đó vẫn còn có ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay vì bệnh thành tích, thói khoe khoang thời nào cũng có. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Hướng dẫn HS Tổng kết** | |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***+*** *Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng thủ pháp phóng đại, tạo nên tiếng cười châm biếm, hài hước sâu sắc và giàu ý nghĩa.  - Xây dựng lời thoại đặc sắc, gây cười.  **2. Nội dung**  - Từ câu chuyện của “thuyền trưởng tàu viễn dương”, văn bản phê phán “*bệnh*” háo danh, chuộng hình thức, … luôn có trong mỗi con người, mỗi tập thể. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Thảo luận theo kĩ thuật Think – pair – share  Theo em, giữa người coi trọng “sĩ diện” với người mắc “bệnh sĩ” có gì khác nhau? Văn bản trên (và đoạn tóm tắt vở kịch *Bệnh sĩ)* cho thấy nhân vật nào hiện thân đầy đủ cho người mắc “bệnh sĩ”. Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm rõ ý kiến.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS thảo luận, chia sẻ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **\* Dự kiến trả lời:**  - “Sĩ diện” (danh từ): Những cái [bên ngoài](https://vi.wiktionary.org/wiki/b%C3%AAn_ngo%C3%A0i) làm cho người ta [coi trọng](https://vi.wiktionary.org/wiki/coi_tr%E1%BB%8Dng) mình khi ở [trước mặt](https://vi.wiktionary.org/wiki/tr%C6%B0%E1%BB%9Bc_m%E1%BA%B7t) người khác.  - Phân biệt giữa người coi trọng “sĩ diện” với người mắc “bệnh sĩ”: Người coi trọng “sĩ diện” sẽ làm mọi việc để bảo vệ danh dự, nhân phẩm và lòng tự trọng của mình còn người mắc “bệnh sĩ” sẽ làm mọi thứ để khoe khoang và thể hiện bản thân, cho mình là hơn người.  - Trong VB trên, nhân vật hiện thân đầy đủ cho người mắc bệnh cho người mắc “bệnh sĩ” là ông Toàn Nha:  + Ông này có đầy đủ các biểu hiện của bệnh sĩ bởi ông vì háo danh mà phát động cuộc thay trời đổi đất dù ông chỉ học hết lớp 4, khoe khoang người con rể tương lai đóng giả thuyền trưởng tàu viễn dương… Ông làm mọi việc để có thể hiện bản thân, nâng cao tên tuổi của mình mà bất chấp thật giả, thậm chí có thể hại người khác => Bệnh sĩ ở nhân vật này đã gây ra những ngộ nhận và hậu quả tai hại nghiêm trọng, nó lây lan, nhân rộng ra những người xung quanh khiến nhiều người buộc phải thay đổi, không còn là mình và lâm vào những tình huống khôi hài, lố bịch.  + Chính bệnh sĩ của ông Toàn Nha, Văn Sửu khiến xảy ra vụ nổ, nhiều kế hoạch khoa trương thanh thế bị thất bại thảm hại nhưng đến cuối vở kịch, ông Toàn Nha vẫn chưa hết sĩ, chưa tỉnh ngộ. Bị thương vì vụ nổ, người ta phải vội vã dùng tàu chở phân đam theo đường sông để đưa ông đi cấp cứu, ông vẫn sung sướng, hãnh diện khi nghĩ rằng mình đang được con rể tương lai – một thuyền trưởng tàu viễn dương – dùng con tàu viễn dương chở ông đi bệnh viện cấp cứu.=> “Bệnh sĩ” trầm trọng. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- Tập làm hoạt cảnh:** Yêu cầu HS chọn một đoạn trong văn bản để phân vai, diễn xuất hoặc đọc diễn cảm.  **- Lưu ý:** Tùy theo khả năng của HS, GV chọn 1 số HS tiêu biểu có năng khiếu thích hợp phụ trách, sau đó cho các HS khác tự nguyện đăng kí làm thành viên một trong nhóm kịch.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập. (Nếu không đủ thời gian thì có thể để HS báo cáo vào tiết học buổi chiều).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 64,65** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I** |

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Em hãy kể tên các chủ điểm và thể loại gắn liền với chủ điểm đó trong học kì I*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Gợi ý  + Những gương mặt thân yêu - Thơ sáu chữ, bảy chữ  + Những bí ẩn cua thế giới tự nhiên - Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên  + Sự sống thiêng liêng - Văn bản nghị luận  + Sắc thái của tiếng cười - Truyện cười  + Những tình huống khôi hài - Hài kịch  ***GV dẫn vào bài mới*** | \* Năng lực và phẩm chất:  - Năng lực đọc hiểu văn bản vả năng lực thực hành viết văn bản;  - Phẩm chất phù hợp với các chủ đề đã học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập phần đọc**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hs thảo luận nhóm đôi câu 1,2  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức: | 1 - d; 2 - c; 3 - đ; 4 - e; 5 - b; 6 - a |

Câu 2: Chọn một văn bản tiêu biểu cho mỗi thể loại đã học trong học kì 1 để hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| 1 | Trong lời mẹ hát | Trương Nam Hương | Thơ | - Bài thơ chính là sự khẳng định, niềm tin về tương lai của người con khi phải lớn lên và tự một mình đối diện với cuộc đời dài rộng.  - Sắc thái chủ đạo của bài thơ là tình cảm gắn bó, yêu kính dành cho mẹ, sự yêu mến với quê hương | - Sử dụng biện pháp nhân hóa để nhấn mạnh sự khổ cực của    mẹ  - Thể thơ sáu chữ, lời thơ mộc mạc, gần gũi |
| 2 | Nhớ đồng | Tố Hữu | Thơ | - Bài thơ là tiếng lòng da diết đối với cuộc sống bên ngồi của người chiến sĩ cộng sản. Nỗi nhớ ấy thể hiện khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình. | - Lựa chọn hình ảnh gần gũi, quen    thuộc.  - Giọng thơ da diết, khắc khoải trong    nỗi nhớ |
| 3 | Khoe của | Tác giả dân gian | Truyện cười | Truyện *Khoe của* được viết nhằm chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của - một tính xấu khá phổ biến trong xã hội. | - Cách kể chuyện ngắn    gọn, súc tích, dễ nhớ, dễ kể, dễ trao đổi, lan truyền  - Sử dụng nhiều yếu tố    gây cười (những hành động, lời thoại mang nội dung thừa thãi, dài dòng không    cần thiết) |
| 4 | Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục | Mô-li-e | Hài kịch | - Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả | - Sử dụng lời thoại sinh động, chân thực    và phù hợp, nghệ thuật tăng cấp khiến cho lớp kịch càng ngày càng hấp dẫn,    tính cách nhân vật được khắc họa thành công, rõ nét |
| 5 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Xi-át-tô | Văn bản nghị luận | Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phreng-klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tơn, tác giả đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của mình. | - Giọng văn giàu sức truyền cảm  - Phép so sánh, nhân hóa, điệp ngữ |

Câu 3: Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích lũy được ở học kì 1 về việc đọc hiểu văn bản theo một số thể loại cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thể loại** | **Kinh nghiêm đọc rút ra** |
| 1 | Thơ sáu chữ, bảy chữ | Đếm số câu và số chữ trong câu, nếu các câu đều có sáu chữ là thể thơ sáu chữ, thơ 7 chữ là mỗi dòng có 7 chữ |
| 2 | Văn bản thuyết minh, giải thích về một hiện tượng tự nhiên | Văn bản cung cấp thông tin cho người đọc về hiện tượng tự nhiên, thường kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu đồ…) |
| 3 | Văn bản nghị luận | Đưa ra quan điểm đánh giá của người viết về một vấn đề nào đó |
| 4 | Truyên cười | Là những câu chuyện ngắn gọn, thời gian và không gian không xác định, tình huống trào phúng gây tiếng cười nhằm phê phán thói hư tật xấu. |
| 5 | Hài kịch | Kịch dùng, hình thức gây cười để đả kích, phê phán thói xấu, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.  Nhiều nhân vật, biểu diễn trên sân khấu và kết hợp các yếu tố hỗ trợ diễn xuất |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức về tiếng việt.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *Hs thảo luận câu hỏi phần tiếng Việt*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức:  **Hoạt động 3: Ôn tập phần viết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs thảo luận câu hỏi phần viết*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Câu 1:  a. Đoạn văn trong dược viết theo kiểu diễn dịch  b. Câu chủ đề: “Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta”  c. Các từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn văn:  “Nhiệm vụ”: Công việc được giao phó, yêu cầu thực hiện đúng quy định, thời hạn  “Nội tạng”: Các bộ phận bên trong cơ thể của con người hoặc con vật.  “Hô hấp”: Hoạt động thở để duy trì sự sống của người hoặc vật.  Câu 2:  a. Từ ngữ địa phương có trong bài ca dao: “miệt”   Tác dụng: Thể hiện màu sắc riêng làm nổi bật địa danh được nhắc tới  b. Thán từ trong bài ca dao: “ơi”  Tác dụng: Dùng để gọi đáp, giống như một lời mời gọi.  Tiếng Việt 3  Câu 3:  a. Từ tượng thanh trong câu tục ngữ: “uôm uôm”  Tác dụng: Mô phỏng tiếng kêu của ếch, giúp người đọc hình dung được âm thanh của đối tượng.  b. Nghĩa tường minh của câu tục ngữ: Mô phỏng tiếng kêu của ếch vào tuổi tối và mực nước của ao (cái lu nước ngoài trời)  Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ: “Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước” có nghĩa là 1 câu tục ngữ ám chỉ về thời tiết, khi mà lúc ếch kêu uôm uôm vào tối hôm đó thì tối đó ắt hẳn trời sẽ mưa và mưa lớn khiến cho ao chuôm để ngoài trời có thể đầy nước. Đồng thời đây là 1 câu tục ngữ được cha ông ta đúc kết từ xa xưa răn dạy con cháu biết cách tích trữ nước để phục vụ việc sinh hoạt – đời sống vì khi xưa hệ thống nước uống – tưới tiêu không như ngày nay.  Câu 2  Ở học kì 1 của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7 đó là kiểu bài:  - Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ  - Viết bài văn kể về một hoạt động xã hội  So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được điều mới về cách viết các kiểu bài: Em được học mở rộng thêm nhiều dạng của từng kiểu bài viết. Em biết mở rộng liên hệ, so sánh.  Câu 3: Nhận định về cách viết các kiểu bài đã học ở học kì 1 được trình bày trong bảng sau là đúng hay sai? |

**Câu:1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | | **Bố cục** |
| Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | Là kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và các thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên | Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các  tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên,... | Gồm các phần:  - Mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích  - Nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên  - Kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích | |
| Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống | Là văn bản thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ. | - Cung cấp đầy đủ thông tin về thời gian địa điểm, tên tổ chức, hoặc cá nhân nhận kiến nghị, thông tin về người viết kiến nghị, lí do, nội dung kiến nghị  - Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc | Gồm các phần:  - Mở đầu: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt, nội dung vấn đề kiến nghị, tên cá nhân tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.  Ghi rõ tên địa chỉ, thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm văn bản kiến nghị  - Nội dung: Nêu vấn đề xã hội cần kiến nghị người có thẩm quyền quan tâm, giải quyết; Nêu rõ các nội dung kiến nghị, đề xuất giải pháp  Kết thúc: Khẳng định lại nguyện vọng của tập thể kiến nghị, ; Lời cảm ơn; kí tên đại diện cùng cả nhóm làm kiến nghị. | |
| Bài văn kể lại một hoạt động xã hội | Bài văn kể lại một hoạt động xã hội thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong văn bản đó người viết kể lại các sự việc của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả,biểu cảm hoặc cả 2 yếu tố để tăng sự dinh động cho bài viết. | - Kể lại một hoạt động theo ngôi thứ nhất  - Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động  - Kể lại chân thực  - Kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm. | - Mở bài: Giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ, tình cảm sâu sắc  - Thân bài: Nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sắp kể: quang cảnh, không gian, thời gian, kể lại các sự kiện theo trình tự, kết hợp miêu tả, biểu cảm.  - Kết bài: Kể lại giá trị của hoạt động xã hội đã kể, nêu suy nghĩ, tình cảm mà hoạt động gợi ra cho bản thân | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 4: Ôn tập kiến thức về nói và nghe**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *Hs thảo luận câu hỏi phần nói và nghe*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức: | Câu 1: Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì 1. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?  Gợi ý:  - Những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã được trải nghiệm ở mỗi bài của học học kì I:  + Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác  + Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó  + Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội  + Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống  + Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội  - Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  Câu 2: Theo em, việc nghe, tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe, nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm gì giống và khác nhau?  Gợi ý:  Việc nghe, tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe, nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm giống và khác nhau:  - Điểm giống: Ghi lại các thông tin quan trọng, thu thập thông tin, tăng sự hiểu biết.  - Điểm khác:  + Nghe, tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác: Người nghe chỉ thu thập được thông của một cá nhân và có thể chưa được khẳng định tính đúng  + Nghe, nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó: Nội dung sẽ được tổng hợp từ nhiều nguồn, có thêm nhiều thông tin giá trị, và đã được đảm bảo tính đúng  Nói và nghe 3  Câu 3: Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?  Gợi ý:  Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ:  - Trước khi trình bày cần thu thập đủ thông tin và đảm bảo chính chính xác của các thông tin  - Có lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh, đánh giá và tăng tính thuyết phục, tạo sự tin tưởng nơi người đọc người nghe.  Câu 4: Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống đạt kết quả như mong muốn là gì? Vì sao em cho là như vậy?  Gợi ý:  Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống đạt kết quả như mong muốn là: Kiến thức, sự hiểu biết về vấn đề định trình bày và thảo luận. Vì nếu không có kiến thức đúng và đủ thì mọi khâu khác của việc trình bày, thảo luận thì không còn sức thuyết phục và không thể tiến hành. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV tổ chức Hoạt động nhóm**  GV hướng dẫn HS làm đề số 1 và số 2  **Đề 1**  **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**  “Chúng ta ai cũng khao khát thành công. Tuy nhiên mỗi người định nghĩa thành công theo cách riêng. Có người gắn thành công với sự giàu có về tiền bạc, quyền lực, tài cao học rộng; có người lại cho rằng có một gia đình êm ấm, con cái nên người là thành công...vv. Chung qui lại, có thể nói thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.  Nhưng nếu suy ngẫm kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng thật ra câu hỏi quan trọng không phải là “Thành công là gì?” mà là “Thành công để làm gì?”. Tại sao chúng ta khát khao thành công? Suy cho cùng, điều chúng ta muốn không phải bản thân thành công mà là cảm giác mãn nguyện và dễ chịu mà thành công mang lại, khi chúng ta đạt được mục tiêu của mình. Chúng ta nghĩ rằng đó chính là hạnh phúc. Nói cách khác, đích cuối cùng mà chúng ta nhắm tới thật ra là hạnh phúc, còn thành công chỉ là phương tiện.  Quan niệm cho rằng thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, ảo tưởng. Trên thực tế, chúng ta chứng kiến biết bao nhiêu người thành công vượt bậc, nổi tiếng và giàu có nhưng vẫn bất hạnh, trầm cảm, nhiều người bế tắc và phải tìm đến cái chết.  […]  Hạnh phúc là cảm giác an nhiên tự tại, nó không phụ thuộc vào thành công hay thất bại hay các yếu tố bên ngoài. [...] *N*hững người hạnh phúc thường có tầm nhìn rộng mở, đa chiều. Bởi vậy mà họ luôn nhận ra những khía cạnh tích cực của cuộc sống, họ nhìn thấy cơ hội trong khó khăn thử thách.  Hạnh phúc tại tâm và hoàn toàn nằm trong tay ta. Thành công có thể đến rồi đi, nhưng hạnh phúc luôn ở lại. Chúng ta có thể tìm được sự bình an trong tâm hồn và mở lòng đón nhận mọi thành bại được mất, thịnh suy vinh nhục của cuộc đời. Và hơn hết hạnh phúc chân thật vốn luôn sẵn có, bạn không phải tìm kiếm đâu xa. Một người biết trân trọng tri ân những gì mình đang có thì luôn cảm thấy hạnh phúc và bằng lòng với hiện tại.  Bạn hãy để hạnh phúc trở thành nền tảng cuộc sống, là khởi nguồn giúp bạn thành công hơn chứ không phải điều ngược lại! Đó chính là “bí quyết” để bạn có một cuộc sống thực sự thành công.  *(Theo: http://songhanhphuc.net/tintuc)*  **Câu 1:** Ngữ liệu thuộc kiểu văn bản nào?  **Câu 2:** Xác định luận đề, hệ thống luận điểm của văn bản?  **Câu 3:** Xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn sau:  *Quan niệm cho rằng thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, ảo tưởng. Trên thực tế, chúng ta chứng kiến biết bao nhiêu người thành công vượt bậc, nổi tiếng và giàu có nhưng vẫn bất hạnh, trầm cảm, nhiều người bế tắc và phải tìm đến cái chết.*  **Câu 4:** Đoạn văn ***“****Chúng ta ai cũng… mục tiêu của mình.”* Được viết theo kiểu đoạn văn nào? Xác định câu chủ đề và vị trí của câu chủ đề trong đoạn văn (nếu có)?  **Câu 5:** Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản trên?  **Câu 6:** Từ vấn đề mà văn bản nêu lên, em hãy đưa ra những giải pháp để cuộc sống con người ngày càng hạnh phúc hơn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS lên làm bài  GV chữa bài và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. | **Câu 1**. Kiểu văn bản: Nghị luận  **Câu 2**. - Luận điểm  + Thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.  + Thành công là phương tiện để ta tiến tới hạnh phúc.  + Thành công hơn giúp ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận.  + Hạnh phúc là cảm giác an nhiên tự tại, không phụ thuộc và yếu tố bên ngoài.  + Hạnh phúc hoàn toàn nằm trong tay ta.  -> Luận đề: Hạnh phúc là nền tảng cuộc sống, khởi nguồn giúp bạn thành công.  **Câu 3*.***  - Bằng chứng khác quan: “*Trên thực tế, chúng ta chứng kiến biết bao nhiêu người thành công vượt bậc, nổi tiếng và giàu có nhưng vẫn bất hạnh, trầm cảm, nhiều người bế tắc và phải tìm đến cái chết.”.*  - Ý kiến đánh giá chủ quan của người viết: “*Quan niệm cho rằng thành công hơn sẽ giúp chúng ta hạnh phúc hơn chỉ là sự ngộ nhận, ảo tưởng.”?*  **Câu 4*.***  - Kiểu đoạn văn quy nạp.  - Câu chủ đề: *Chung qui lại, có thể nói thành công là đạt được những điều mong muốn, hoàn thành mục tiêu của mình.* Nẳm ở cuối đoạn  **Câu 5**. - Lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm, các luận điểm đưa ra làm sáng tỏ luận đề.  **Câu 6.** Một số gợi ý gải pháp để cuộc sống con người hạnh phúc hơn  - Sống lạc quan.  - Học cách tha thứ.  - Bỏ những thói xấu  - Quan tâm đến những người xung quanh  - Xây dựng mục tiêu và phấn đấu đạt được mục tiêu của bản thân. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Phần I. Đọc hiểu**  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  **I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**  **TAM ĐẠI CON GÀ**  *Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.*  *Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.*  *Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dủ dỉ là con dù dì”. Thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.*  *Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dì” không. Thổ công cho ba đài được cả ba. Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:*  **-** *Dủ dỉ là con dù dì! Dủ dỉ là con dù dì…*  *Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:*  *Chết chửa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dủ dỉ” là con “dù dì”?*  *Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng*  *nhanh trí thầy vội nói gỡ:*  *- Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.*  *Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:*  *- Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?*  *- Thế này nhé! Dủ dỉ là con dù dì, dù dì là chị con công, con công là ông con gà!*  *( SGK Ngữ văn 10, Trang 78-79, Tập I, NXBGD 2006)*  **Câu 1.**Truyện ***Tam đại con gà*** là truyện cười thuộc loại nào:  **A. Truyện cười**  B. Khôi hài  C. Trào phúng D. Tất cả đều đúng  **Câu 2:**Trong những câu dưới đây câu nào không đúng khi nói về anh học trò trong ***Tam đại con gà*** ?  A. Anh học trò dốt đến mức có chữ trong sách mà không biết.  **B. Anh học trò dốt đến mức không biết một chữ nào.**  C. Anh học trò chẳng những dốt mà còn liều lĩnh để che đậy cái dốt của mình.  D. Mọi tình tiết trong tác phẩm càng lúc càng bộc lộ cái dốt của anh học trò.  **Câu 3:**Trong truyện ***Tam đại con gà*** ở nhân vật anh học trò có mâu thuẫn nào là trái tự nhiên?  **A. Mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức.**  B. Mâu thuẫn giữa bản chất và hiện tượng.  C. Mâu thuẫn giữa cá nhân và hoàn cảnh.  D. Cả ba mâu thuẫn trên.  **Câu 4:**Dòng nào dưới đây không phải là đặc trưng nghệ thuật của truyện cười?  A. Ngắn gọn, có kết cấu chặt chẽ.  B. Có rất ít nhân vật.  **C. Ngôn ngữ chọn lọc, tinh tế.**  D. Kết thúc bất ngờ tạo ra tiếng cười cho người đọc và người nghe.  **Câu 5:**Tiếng cười trong truyện ***Tam đại con gà*** có ý nghĩa gì?  A. Tiếng cười khôi hài có ý nghĩa giáo dục và đả kích các tầng lớp trên của xã hội.  B. Tiếng cười phê phán trong nội bộ nhân dân và có ý nghĩa giáo dục  **C. Tiếng cười đả kích cái sự dốt của người thầy trong xã hội cũ.**  D. Tiếng cười đả kích các tầng lớp trên của xã hội và có ý nghĩa giáo dục.  **Câu 6:**Cái gây cười nhất của truyện ***Tam đại con gà*** là:  A. Cái dốt của kẻ thất học.  **B. Thói giấu dốt, sĩ diện hão của thầy đồ.**  C. Cái dốt của học trò.  D. Đã dốt lại cả gan đi dạy trẻ.  **Câu 7:**Thủ pháp nghệ thuật trong truyện là gì?  A. Lối nói đòn bẩy **B. Chơi chữ** C. Tăng tiến D. Liệt kê  **Câu 8:**Yếu tố bất ngờ trong truyện là gì?  A. Thầy đã sai, Thổ công nhà chủ cũng sai.  B. Thầy đắc chí, sai trò đọc to những lời vô nghĩa.  C. Chủ nhà còn biết nhiều chữ hơn cả thầy.  **D. Thầy bị lật tẩy mà vẫn cố chống chế theo kiểu láu cá vặt**  **Câu 9.** Hãy chỉ ra ý nghĩa phê phán của truyện “Tam đại con gà”.  **Câu 10**. Nêu suy nghĩ của em được rút ra từ câu chuyện trên?  **II. VIẾT (4 điểm)**  Hiện nay một số bạn trong lớp còn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn để khuyên các bạn ấy học tập chăm chỉ hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá nghe của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.( Thực hiện ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài tóm tắt được bình chọn là đạt nhất của lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**Tiết 66,67 KIỂM TRA CUỐI KÌ ( Theo đề chung của trường)**

**PHÒNG GD HUYỆN PHÚ HÒA**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THẾ BẢO**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC: 2023-2024**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn tư sự về đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**PHÒNG GD HUYỆN PHÚ HÒA**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THẾ BẢO**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC: 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại của văn bản.  - Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản.  - Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười.  **Thông hiểu**:  - Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến.  - Xác định được nghĩa của các yếu tố Hán Việt.  - Nội dung nghĩa hàm ẩn trong truyện  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện.  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp/ bài học/ lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.  **-** Thể hiện được ý kiến, thái độ của bản thân đối với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn tự sự về đời sống | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản tự sự  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn tự sự về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc,ngôn ngữ trong sáng, giản dị.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, cách sắp sếp các sự việc hợp lí, thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ I**

**PHÒNG GD HUYỆN PHÚ HÒA**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THẾ BẢO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Năm học: 2023 - 2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“hách dịch”*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

# Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

**Câu 8 (0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

**Kể về một việc làm tốt của mẹ mà em có dịp chứng kiến.**

------------------- HẾT-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ( ĐỀ I)**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | | **Câu** | | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | | 1 | | A | | 0,5 |
| 2 | | B | | 0,5 |
| 3 | | C | | 0,5 |
| 4 | | C | | 0,5 |
| 5 | | C | | 0,5 |
| 6 | | D | | 0,5 |
| 7 | | D | | 0,5 |
| 8 | | A | | 0,5 |
| 9 | | Bài học:  - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | | 0,5  0,5 |
| 10 | | Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình.  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. | | 0,5  0,5 |
|  | |  | |  | |  |
|  | |
| **II. PHẦN TẬP LÀM VĂN: (4,0 điểm)** | | | | | | |
| **a) Yêu cầu về nội dung và hình thức:**  - Biết cách viết bài văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Bài viết phải có văn phong trong sáng, dùng từ, đặt câu chính xác, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, đúng chính tả. | | | | | | |
| **b.** \* **Yêu cầu cụ thể**: Bài viết cần đảm bảo các yếu tố cơ bản sau: | | | | | | |
| **Mở bài** | | **-** Giới thiệu những cảm nhận khái quát về mẹ, về việc làm tốt của mẹ. | | *0,5* | | |
| **Thân bài** | | **-** Nêu được những thông tin cơ bản về việc làm tốt của mẹ; miêu tả vài nét về ngoại hình cũng như tính cách của mẹ; không gian, thời gian diễn ra việc làm tốt của người mẹ  - kể lại các sự việc theo một trình tự hợp lý có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm. | | *1*  *2* | | |
| **Kết đoạn** | | - Khẳng định lại cảm nghĩ của bản thân một lần nữa về việc làm tốt của mẹ. | | *0,5* | | |
| **\* *Lưu ý:*** GV chấm bài có thể linh động giữa bài làm của học sinh so với đáp án, khuyến khích những bài làm sáng tạo.  Bài làm đạt điểm cao phải đạt những yêu câu về kỹ năng, về kiến thức, ít mắc sai sót.  *\* Điểm 4,0:*  - Bài làm đảm bảo các yêu cầu trên, có tính sáng tạo.  - Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.  - Diễn đạt mạch lạc, không mắc quá hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Điểm 1,5-3,5:*  - Bài viết diễn đạt tương đối đầy đủ các ý, bố cục rõ ràng, diễn đạt được, không mắc quá năm lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Điểm 0,5-1:* Bài làm chỉ đạt được một số ý, diễn đạt lủng củng, rời rạc, sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Điểm 0:* Bài không viết được gì hoặc chỉ vài câu không rõ nghĩa. | | | | | | |

ĐỀ II

**PHÒNG GD HUYỆN PHÚ HÒA**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN THẾ BẢO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Năm học: 2023 - 2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Tự sự

**Câu 2 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện đồng thoại. B. Truyện cổ tích C. Truyện ngụ ngôn. D. Truyện cười.

# **Câu 3** (0.5 điểm): Trong truyện, người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

1. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B.Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

C. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

D. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

**Câu 4(0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

D. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

**Câu 5 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Ngôi thứ ba

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

**Câu 7(0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

B. Hay nịnh nọt cấp trên.

C. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 8 (0.5 điểm):**  Từ *“hách dịch”* có nghĩa thế nào?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

C. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 9 (1 điểm):** Thông điệp của văn bản là gì?.

**Câu 10 (1 điểm):** Kiểu người nào trong xã hội bấy giờ mà tác giả dân gian phê phán?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

**Kể về một việc làm tốt của mẹ mà em đã từng chứng kiến.**

------------------- HẾT-------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ( ĐỀ II )**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | | **Câu** | | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | | 1 | | D | | 0,5 |
| 2 | | D | | 0,5 |
| 3 | | B | | 0,5 |
| 4 | | D | | 0,5 |
| 5 | | D | | 0,5 |
| 6 | | D | | 0,5 |
| 7 | | C | | 0,5 |
| 8 | | B | | 0,5 |
| 9 | | - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | | 0,5  0,5 |
| 10 | | Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình.  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. | | 0,5  0,5 |
|  | |  | |  | |  |
|  | |
| **II. PHẦN TẬP LÀM VĂN: (4,0 điểm)** | | | | | | |
| **a) Yêu cầu về nội dung và hình thức:**  - Biết cách viết bài văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Bài viết phải có văn phong trong sáng, dùng từ, đặt câu chính xác, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, đúng chính tả. | | | | | | |
| **b.** \* **Yêu cầu cụ thể**: Bài viết cần đảm bảo các yếu tố cơ bản sau: | | | | | | |
| **Mở bài** | | **-** Giới thiệu những cảm nhận khái quát về mẹ, về việc làm tốt của mẹ. | | *0,5* | | |
| **Thân bài** | | **-** Nêu được những thông tin cơ bản về việc làm tốt của mẹ; miêu tả vài nét về ngoại hình cũng như tính cách của mẹ; không gian, thời gian diễn ra việc làm tốt của người mẹ  - kể lại các sự việc theo một trình tự hợp lý có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm. | | *1*  *2* | | |
| **Kết đoạn** | | - Khẳng định lại cảm nghĩ của bản thân một lần nữa về việc làm tốt của mẹ. | | *0,5* | | |
| **\* *Lưu ý:*** GV chấm bài có thể linh động giữa bài làm của học sinh so với đáp án, khuyến khích những bài làm sáng tạo.  Bài làm đạt điểm cao phải đạt những yêu câu về kỹ năng, về kiến thức, ít mắc sai sót.  *\* Điểm 4,0:*  - Bài làm đảm bảo các yêu cầu trên, có tính sáng tạo.  - Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.  - Diễn đạt mạch lạc, không mắc quá hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Điểm 1,5-3,5:*  - Bài viết diễn đạt tương đối đầy đủ các ý, bố cục rõ ràng, diễn đạt được, không mắc quá năm lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Điểm 0,5-1:* Bài làm chỉ đạt được một số ý, diễn đạt lủng củng, rời rạc, sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu…  *\* Điểm 0:* Bài không viết được gì hoặc chỉ vài câu không rõ nghĩa. | | | | | | |

**Tiết 68,69… VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Theo em, trong cuộc sống hiện nay, khi nào em cần viết một văn bản kiến nghị?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát, suy nghĩ.  - GV quan sát, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gọi HS trả lời các câu hỏi.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.  **Dự kiến câu trả lời**  Có rất nhiều vấn đề diễn ra trong đời sống mà chúng ta cần viết VB kiến nghị như vấn đề gây mất trật tự an ninh nơi công cộng, đề nghị các cấp chính quyền giải quyết các vấn đề môi trường, đời sống sinh hoạt, đề nghị nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm giải quyết những vấn đề của tập thể hoặc cá nhân,...  **GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**:  Vậy làm thế nào để chúng ta trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình một cách lo-gic, rành mạch? Bài học ngày hôm nay sẽ giúp cô trò chúng ta trả lời được câu hỏi đó. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **2.1. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi?  - *Thế nào là văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống?*  *- Nêu các yêu cầu đối với kiểu văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.*  *- Em hãy nêu bố cục của một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời lần lượt các câu hỏi.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung. | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  *- Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống* là kiểu VB thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ.  **2. Yêu cầu**  - Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tổ chức hoặc cá nhân nhận kiến nghị; thông tin về người viết kiến nghị; lí do, nội dung kiến nghị.  - Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.  - Bố cục bài viết thường gồm các phần:  *+ Phần mở đầu:*  ++Tên cơ quan/tổ chức/đơn vị của người viết (nếu có): Trình bày sát lề trái của VB.  ++ Số kí hiệu VB (nếu có): trình bày sát lề trái của VB.  ++ Quốc hiệu, tiêu ngữ: trình bày ngang hàng với tên cơ quan, chủ quản và số kí hiệu VB.  ++ Địa điểm, ngày, tháng, năm: trình bày sát lề phải VB.  ++ Tóm tắt sự việc kiến nghị: trình bày giữa VB.  ++ Người nhận/tổ chức nhận bản kiến nghị.  ++ Thông tin người viết kiến nghị, có thể gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, căn cước/thẻ HS, SV; địa chỉ thường trú/nơi ở hiện nay/điện thoại liên hệ,...  *+ Phần nội dung: ­*Nội dung kiến nghị gồm:  ++ Nêu sự việc, vấn đề, lí do kiến nghị.  ++ Nêu ý kiến đề nghị.  ++ Đề xuất các hướng giải quyết của người kiến nghị (nếu có).  + *Phần kết thúc:*  *++* Lời cam đoan (nếu có) hoặc khẳng định lại lí do kiến nghị.  ++ Lời cảm ơn.  ++ Người viết kiến nghị (kí và ghi rõ họ tên).  + Ngoài ra, còn có thể thêm *phần phụ đính:* Tài liệu kèm theo (nếu có) gồm những văn bản, tài liệu, ảnh chụp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Hướng dẫn HS phân tích kiểu văn bản** | |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đọc *Bản kiến nghị (về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập)* (tr.125, 126, sgk).  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (tr 125, sgk).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  - HS dự kiến câu trả lời.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1:** Đọc *Bản kiến nghị (về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập)* (tr.125, 126, sgk)  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  (1) VB đã đáp ứng được các yêu cầu về hình thức của bản kiến nghị:  - Bố cục: gồm 3 phần: mở đầu, nội dung, kết thúc.  - Cách trình bày: rõ ràng, mạch lạc.  - Thông tin trong từng phần: đầy đủ, cụ thể theo các mục của VB kiến nghị.  (2) Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của VB kiến nghị:  - Quốc hiệu; tiêu ngữ; tên VB kiến nghị; cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị; tên cá nhân, tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.  - Ghi rõ tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm VB kiến nghị.  (3) - Vấn đề của đời sống mà người viết VB kiến nghị: không gian trong dãy nhà B khu nội trú ồn ào, điều kiện an ninh và cơ sở vật chất chưa đảm bảo cho việc học tập và sinh hoạt.  - Bằng chứng:  + Khoảng từ 16 giờ 30 đến 19 giờ 30 hằng ngày, hoạt động thể dục nhịp điệu...mở nhạc quá lớn, gây tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của HS.  + Vào ngày nghỉ, các cuộc thi đấu giao hữu,...trong đó, có những kẻ xấu lợi dụng sơ hở lấy cắp đồ đạc hoặc có những hành vi thiếu đứng đắn với nữ sinh.  + Hiện thời, nhiều bóng điện ở các dãy bàn học nhóm, khu nhà tắm, nhà vệ sinh đã hư hỏng, số khác không đủ ánh sáng cho học tập, sinh hoạt.  (4) – Phần kết thúc gồm những nội dung:  + Lời cảm ơn.  + Kí tên người đại diện cùng cả nhóm làm kiến nghị. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Hướng dẫn quy trình viết và thực hành** | |
| **Tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong sgk.  - HS thảo luận nhóm và điền thông tin vào PHT: PHT tìm hiểu quy trình viết VB kiến nghị về một vấn đề của đời sống  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  - HS dự kiến sản phẩm.  - GV quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. | **II. Tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** | *Xác định đề tài:* nội dung kiến nghị có thể là những vấn đề bất lợi, bất tiện cho học tập, sinh hoạt hoặc những vấn đề có thể điều chỉnh, thay đổi để tạo môi trường học tập, sinh hoạt thuận lợi hơn,... | Bản kiến nghị sẽ ý nghĩa hơn nếu em chọn được những vấn đề thiết thực, đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện của học sinh. | | *Xác định mục đích viết, cá nhân hoặc tổ chức có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị*  *- Mục đích:* trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của họ.  *-* Xác định cá nhân/ tổ chức có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị.  - Từ đó xác định nội dung và cách viết phù hợp. | Đối với từng đối tượng có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị, người viết lựa chọn nội dung và cách viết phù hợp. | | *Thu thập tư liệu*  - Tìm tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết văn bản kiến nghị.  - Đọc lại phần *Hướng dẫn phân tích kiểu VB* để học cách viết bản kiến nghị.  - Ghi chép ý kiến của các bạn trong buổi họp lớp về vấn đề dự định kiến nghị, những đề xuất liên quan và thu thập đủ chữ kí của các bạn trong lớp (nếu cần). |  | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** | *Tìm ý:* Trả lời các câu hỏi:  - Trường (lớp) em đang tồn tại vấn đề gì gây bất tiện, bất lợi cho học sinh hoặc những vấn đề có thể điều chỉnh, thay đổi để tạo môi trường học tập, vui chơi tốt hơn cho học sinh?  - Nội dung cụ thể của vấn đề cần kiến nghị là gì?  - Những giải pháp nào có thể giải quyết vấn đề đó?  - Người hoặc tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết  - Có cần và có thể thu thập thông tin gì liên quan đến nội dung kiến nghị hay không? | *...* | | *Lập dàn ý:* Sắp xếp các ý tìm được theo trình tự bố cục của VB (đã nêu trong phần yêu cầu) | *...* | | **Bước 3: Viết bài** | *Thực hiện viết bài:* Viết văn bản dựa trên dàn ý | - Trình bày cụ thể nội dung cần kiến nghị.  - Ghi đúng người nhận kiến nghị.  - Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực tế và mang tính khả thi trong việc đề xuất, khắc phục. | | **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** | *Xem lại và chỉnh sửa:* Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm. (xem bên dưới)  - Bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, diễn đạt. | *...* | | *Rút kinh nghiệm:* Nêu một số diểm cần lưu ý khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. | ***...*** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết.** | |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống*** | | | | | ***Tiêu chí*** | | ***Đạt*** | ***Chưa đạt*** | | **Bố cục** | Đủ 3 phần: mở đầu, nội dung kiến nghị, kết thúc. |  |  | | **Phần mở đầu** | Tên cơ quan chủ quản, quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng VB. |  |  | | Tiêu ngữ: viết chữ thường, cách giữa, dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-) |  |  | | Địa điểm, thời gian viết VB: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang bên phải văn bản. |  |  | | Tên VB: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong VB, ở giữa VB. |  |  | | Trình bày đầy đủ thông tin về người nhận/tổ chức nhận. |  |  | | Trình bày tóm tắt các thông tin về người viết kiến nghị. |  |  | | **Phần nội dung** | Trình bày rõ lí do kiến nghị. |  |  | | Trình bày chính xác, rõ ràng nội dung cần kiến nghị. |  |  | | Đề xuất hướng giải quyết hợp lí. |  |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại lí do kiến nghị hoặc cam đoan những nội dung kiến nghị là đúng sự thật. |  |  | | Có lời cảm ơn. |  |  | | Có chữ kí và họ tên người viết. |  |  | | **Trình bày, diễn đạt** | Ngôn ngữ của VB chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người viết. |  |  |   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**  - HĐ cá nhân: GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  - HĐ nhóm – xác định đề tài: Chia lớp ra làm 3 nhóm, lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm những vấn đề đáng quan tâm để viết:  - Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS ghi lên giấy ghi chú của mình một vấn đề mà mình quan tâm. Sau đó, trong nhóm HS tự thảo luận và chọn một vấn đề hay nhất để kiến nghị=> Mỗi nhóm sẽ chọn 1 đề tài mình ưng ý nhất để tiến hành thu thập tài liệu.  - Tiếp tục HĐ nhóm để thu thập ý kiến về vấn đề kiến nghị và đề xuất giải pháp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  - HS dự kiến sản phẩm.  - GV quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. | **III. Thực hành**  **Đề bài: *Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ viết bản kiến nghị gửi Ban Giám hiệu, đề nghị nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kĩ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.***   1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**   ***- Xác định mục đích viết:*** Trình bày ý kiến, nguyện vọng về việc bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện; cải thiện không gian đọc cho HS; đề nghị Hiệu trưởng nhà trường, cô phụ trách thư viện xem xét giải quyết.  ***- Cá nhân hoặc tổ chức có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị:*** Hiệu trưởng nhà trường, cô phụ trách thư viện.  ***- Xác định đề tài:***  **Ví dụ chọn đề tài: Bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện và cải thiện không gian đọc trong thư viện nhà trường**  ***- Thu thập tài liệu:***  + Đọc lại sgk để nắm được yêu cầu và đặc điểm và hướng dẫn viết văn bản kiến nghị.  + Đọc phần *Hướng dẫn phân tích kiểu VB*  + Ghi chép ý kiến của các bạn trong tiết sinh hoạt về vấn đề bổ sung nguồn sách tham khảo ở thư viện, không gian đọc sách những đề xuất liên quan.   1. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**   \* **Tìm ý:**  - Trường (lớp) em đang gặp phải vấn đề: Cần tài liệu tham khảo để phục vụ hoạt động học tập mà nguồn sách thư viện lại thiếu, không đáp ứng đủ nhu cầu của HS; không gian đọc của thư viện chật chội, thiếu ánh sáng.  - Nội dung cụ thể của vấn đề kiến nghị:  + Trong thư viện nhà trường số lượng các tài liệu tham khảo ít, đặc biệt các tài liệu tham khảo phù hợp với chương trình mới lại càng hiếm. Hiện nay, thư viện trường chỉ có khoảng hơn 30 đầu sách tài liệu tham khảo cho học sinh khối 8 ở tất cả các môn. Điều này không đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh cũng như yêu cầu của chương trình.  + Phòng đọc của nhà trường chật hẹp, thiếu ánh sáng, nóng bức, không tạo điều kiện cho việc thúc đẩy văn hóa đọc trong nhà trường; không tạo điều kiện cho học sinh đọc sách để giải trí, học tập.  + Quy trình mượn sách còn rườm rà, chưa khoa học nên tạo tâm thế không thoải mái cho học sinh khi đọc và mượn sách; học sinh chưa nhịp nhàng trong khâu mượn trả sách nên có lúc “người mượn cầm lâu không trả” và người cần đọc “đợi lâu cũng không mượn được sách mình cần”.  - Người hoặc tổ chức có thẩm quyền giải quyết: cô Hiệu trưởng nhà trường và cô phụ trách thư viện.  - Trong tiết sinh hoạt, thu thập ý kiến của học sinh trong lớp về vấn đề  ***\* Lập dàn ý: bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  - Phần mở đầu: như hướng dẫn quy trình viết.  - Phần nội dung:  + Nêu lí do kiến nghị: HS gặp vấn đề khó khăn trong quá trình tham khảo tài liệu và trải nghiệm không gian đọc tại thư viện.  + Nội dung kiến nghị:  ++ Trong thư viện nhà trường số lượng các tài liệu tham khảo ít, đặc biệt các tài liệu tham khảo phù hợp với chương trình mới lại càng hiếm. Hiện nay, thư viện trường chỉ có khoảng hơn 30 đầu sách tài liệu tham khảo cho học sinh khối 8 ở tất cả các môn. Điều này không đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh cũng như yêu cầu của chương trình.  ++ Phòng đọc của nhà trường chật hẹp, thiếu ánh sáng, nóng bức, không tạo điều kiện cho việc thúc đẩy văn hóa đọc trong nhà trường; không tạo điều kiện cho học sinh đọc sách để giải trí, học tập.  ++ Quy trình mượn sách còn rườm rà, chưa khoa học nên không tạo tâm thế thoải mái cho học sinh khi đọc và mượn sách; học sinh chưa nhịp nhàng trong khâu mượn trả sách nên có lúc “người mượn cầm lâu không trả” và người cần đọc “đợi lâu cũng không mượn được sách mình cần”.  + Đề xuất hướng giải pháp:  ++ Bổ sung nguồn sách tham khảo thư viện ít nhất trên 50 đầu sách/khối; tài liệu tham khảo phong phú bao gồm các lĩnh vực khoa học và trong đợi sống; thường xuyên cập nhật, bổ sung phù hợp với yêu cầu của chương trình học và nhu cầu của học sinh.  ++ Xây dựng không gian đọc rộng rãi, đủ ánh sáng, thoáng mát; giữa các vị trí đọc xây dựng hệ thông vách ngăn để đảm bảo yên tĩnh.  ++ Xây dựng quy trình mượn sách khoa học, hợp lí để tạo tâm lí thoải mái, đáp ứng nhu cầu của học sinh.  - Phần kết thúc:  + Khẳng định lại lí do: đáp ứng yêu cầu của chương trình học, nhu cầu của học sinh và thúc đẩy văn hóa đọc trong nhà trường.  + Lời cảm ơn  + Chữ kí và họ tên của người viết.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết một văn bản kiến nghị hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề trong đời sống, cần chú ý các hướng dẫn trong sgk. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 3: Rút kinh nghiệm** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề trong đời sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS lần lượt treo tờ A0 bài làm của mình lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **4. Bước 4: Rút kinh nghiệm**  - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa bài viết dựa vào bảng kiểm.  - Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài viết chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu của văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.  - Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp. |

**Tiết …70.. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Ở bài 3, các em đã học bài *trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội,* em hãy nêu lại lí thuyết về quy trình để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  **Bước 4: Trao đổi và đánh giá**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 1 số HS lên trả lời.  - GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS báo cáo; HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học:  *Bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục rèn luyện các kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.* | Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, em cần trả lời các câu hỏi sau:  - Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói của em?  - Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Em có bao nhiêu thời gian để trình bày, bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?  - Em sẽ chọn cách trình bày như thế nào cho phù hợp với đối tượng người nghe, địa điểm và thời gian nói?  Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ theo trình tự sau:  - Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.  - Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày; khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói; trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Kết thúc: khẳng định lại ý kiến; đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động  \* Lưu ý: Để bài nói thêm thuyết phục, hấp dẫn, em cần chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, videoclip, ...)  Khi trình bày, cần lưu ý:  - Chào người nghe, tự giới thiệu về bản thân (nêu họ tên, học lớp nào, mối quan tâm của em về một số vấn đề trong cuộc sống.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.  - Dự kiến câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.  Sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày của bạn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **2.1. Nhắc lại quy trình trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS tự đọc lại các bước để thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS nhắc lại.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung. | **I. Lí thuyết của bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  \*Các thao tác cần làm để thực hiện bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (đã nhắc lại ở phần *Khởi động)*  \* GV cung cấp lại bảng kiểm *kĩ năng* trình bày về một vấn đề xã hội |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Thực hành nói và nghe** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói/trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?  **Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình vấn đề 01.**  (Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.  - Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:  + Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)    Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  Em có thể  nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  + Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. Thực hành**  **Bước 1. Chuẩn bị**  **-** Vấn đề thuyết trình: Thói sính ngoại – một “căn bệnh” trong thời đại mới.  - Mục đích: Bàn luận, bày tỏ ý kiến về vấn đề *“thói sính ngoại – một “căn bệnh”trong thời đại mới.*  - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp.  - Không gian: lớp học.  - Thời gian: khoảng 3- 5 phút.  - Hình thức thuyết trình:lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình.  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý**  \***Tìm ý** bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Em có đồng tình với ý kiến: “thói sính ngoại – một “căn bệnh” trong thời đại mới  - Thói sính ngoại là gì? Biểu hiện?  - Tại sao thói sính ngoại trở thành một “căn bệnh”? Tác hại của thói sính ngoại? Bằng chứng?  - Có thể rút ra bài học gì từ vấn đề trên?  **\* Lập dàn ý** cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống đã xác định (vấn đề 1):  - **Mở đầu**: Giới thiệu vấn đề thuyết trình: *Thói sính ngoại – một “căn bệnh” trong thời đại mới*  **Ví dụ:** Sẽ chẳng gọi là quá lời khi nói ngày nay, sính ngoại có thể được coi là “một căn bệnh”, một thói quen tâm lý mang lại nhiều hệ lụy xấu trong cả đời sống kinh tế cũng như xã hội. Vậy sính ngoại là gì và những tác động xấu của nó trong đời sống như thế nào, chúng mình hãy cùng nhau tìm hiểu nhé!  - **Nội dung chính:**  + Trong tiếng Hán Việt, “sính” có nghĩa là việc lạm dụng một thứ yêu thích một cách quá đáng, không cần thiết. Hơn nữa, mục đích lạm dụng ở đây là để ra vẻ, tỏ ra hơn người khác. “Sính ngoại” – từ để chỉ sự đề cao những thứ từ nước ngoài.  + Biểu hiện: Sính ngoại được thể hiện ở trong mọi mặt, mọi lĩnh vực của cuộc sống. Đặc trưng nhất trong các vấn đề tiêu dùng, sử dụng ngôn ngữ, trang phục, văn hóa…  ++ Trong tiêu dùng: Trong suy nghĩ của một bộ phận lớn người dân Việt Nam lại cho rằng, thứ gì của hàng ngoại cũng có chất lượng tốt, giá trị hơn hàng trong nước. Họ sẵn sàng bỏ ra số tiền cao hơn gấp nhiều lần cho một sản phẩm mang cái mác “ngoại nhập’ thay vì chọn một sản phẩm chất lượng cao trong nước. Họ không tiếc lời chê bai hàng hóa trong nước sản xuất kể cả khi chưa thực sự trải nghiệm sản phẩm đó.  ++ Trong sử dụng ngôn ngữ: không khó để bắt gặp trường hợp các bạn trẻ chêm những từ tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh) vào lối giao tiếp thông thường: Đi “shopping” nhé, về nhớ “call” cho tớ nhé, cho xin “contact” liên hệ với cậu đi…và mặc nhiên được cho rằng đó là một điều hoàn toàn bình thường.  ++ Trong văn hóa ứng xử: Là một nước Á Đông, Việt Nam cũng thừa hưởng nền văn hóa thuần Á Đông – nhẹ nhàng và kín đáo. Nhưng hiện tại, lấy cớ hội nhập, rồi “ Ở Tây nó vẫn làm như này có sao đâu”, người ta lại bao biện cho những hành động không được đẹp như ăn mặc hở hang phản cảm hay thể hiện tình cảm thái quá ở nơi công cộng…  + Những hệ lụy của thói sính ngoại:  ++ Ảnh hưởng tới kinh tế: Sính hàng ngoại làm cho kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn; các doanh nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm, nông sản trong nước bị ép giá, khó tiêu thụ.  ++ Ảnh hưởng tới văn hóa: Tư tưởng sính ngoại khiến cho một bộ phận người Việt có thói quen coi rẻ những giá trị của dân tộc. Rất nhiều người người Việt coi những trào lưu, thói quen, nền văn hóa của phương Tây mới là đáng ngưỡng mộ, quay nhìn lại nước nhà thì chỉ toàn thấy điều tiêu cực.  ++ Ảnh hưởng đến niềm tự tôn dân tộc.  + Cần khắc phục “thói sính ngoại’ tránh gây những hậu quả đáng tiếc  - **Kết thúc:** Khái quát vấn đề em quan tâm, cần thảo luận, bài học nhận thức của bản thân và bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  - Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài nói cho bạn (mẫu phía trên)  (GV có thể tổ chức cho HS quay video bài thuyết trình chủ đề được phân công theo tổ và thực hiện chiếu video thuyết trình lên để các bạn theo dõi).   * - HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **Bước 3: Thực hành nói và nghe**  + **Tổ 1, 2:** Chuẩn bị vấn đề 1: Thói sính ngoại  + **Tổ 3, 4:** Chuẩn bị vấn đề 2: Thói ỷ lại, dựa dẫm vào người khác  **- Người nói:**  + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định.  + Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…  + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).  **- Người nghe**  + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm.  +Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói của bạn.  - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. Đánh giá, thảo luận**  \* **Bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn theo tiêu chí.**  **\*Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:** | | | Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | * **Đánh giá chung:** | | | Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? |  | | Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Kiểm tra kết quả nghe:** | | | Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức trình bày về một vấn đề trong đời sống của bạn? |  | | * **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:** | | | Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  | | Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  | |

**Tiết…71. ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Ôn tập** (Tr. 130, SGK, Chân trời sáng tạo, Ngữ văn 8, tập) | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu:  **+ Nhóm 1,2**: Thảo luận các câu hỏi 1, 2.  + **Nhóm 3, 4**: Thảo luận các câu hỏi 3, 4  - Các nhóm về nhà hoàn thiện sản phẩm câu 5, 6  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Hs tiến hành suy nghĩ, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức | **Câu 1:**  **\*Nêu và giải thích đặc điểm chính của hài kịch:**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố trong hài kịch** | **Đặc điểm** | | *Nhân vật của hài kịch* | Là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu. | | *Hành động trong hài kịch.* | - Là toàn bộ hoạt động của các nhân vật ( bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ,...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch.  - Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công – phản công; thăm dò – lảng tránh; chất vấn – chối cãi; thuyết phục – phủ nhận/bác bỏ; cầu xin – từ chối;... | | *Xung đột kịch* | - Xung đột kịch thường nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực.  - Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái thấp kém,... | | *Lời thoại* | Là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển. | | *Lời chỉ dẫn sân khấu* | Là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,... | | *Thủ pháp trào phúng* | Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như phóng đại tính phi lô-gic, tính không hợp tình thế trong hành động của nhân vật (hành động, lời nói, cử chỉ, trang phục,...); các thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai; lối nói hóm hỉnh, lối chơi chữ, lối nói nghịch lí,... |   **Dẫn chứng: Nhân vật hài kịch VB *Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục***  - Tên các nhân vật trong VB: Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ.  - Các nhân vật trong VB đều đại diện cho cái thấp kém. Mỗi nhân vật “thấp kém” theo một kiểu riêng. Ví dụ: Ông Giuốc-đanh đại diện cho cái thấp kém của kẻ háo danh, thích học đòi làm sang; phó may thấp kém theo kiểu ma mãnh, bịp bợm, làm ăn giả dối; thợ phụ thấp kém theo kiểu nịnh bợ để kiếm chác.  - Tiếng cười hướng đến tất cả các nhân vật nhưng chủ yếu hướng đến nhân vật ông Giuốc-đanh, cụ thể là hướng đến thói học đòi làm sang lố bịch của ông Giuốc-đanh.  **Câu 2:** **Chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **VB** | **Chủ đề** | **Thủ pháp gây cười** | | *Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục* | Sự tốn kém và lố bịch của ông Giuốc-đanh trong việc mặc lễ phục nhằm thỏa mãn ham muốn “học làm sang”. | - Thủ pháp phóng đại  - Thủ pháp lặp lại và tăng tiến  - Thủ pháp kéo chậm, phóng đại sự lố bịch bằng những động tác cơ thể theo nhịp điệu. | | *Cái chúc thư* | Sự tham lam của Hy Lạc, Khiết, Lý khi bàn bạc với nhau mời công chứng viên về làm chúc thư giả hòng chiếm đoạt gia tài. | - Tạo tình huống hoán đổi vị thế hài hước, lố bịch.  - Tạo những lời thoại đứt đoạn của nhân vật Khiết trong vai cụ Di Lung  - Tạo sự mâu thuẫn hoặc thống nhất giữa lời đối thoại với độc thoại để thể hiện cái thấp kém của nhân vật | | *“Thuyền trưởng tàu viễn dương”* | “Bệnh sĩ diện” trầm trọng của ông Toàn Nha qua sự việc nói dối của “thuyền trưởng tàu viễn dương”. | - Thủ pháp phóng đại  - Sử dụng ngôn ngữ hài hước, dí dỏm, châm biếm  - Tạo tình huống xung đột hài hước, gây cười. |   **Câu 3:**  **\*Gợi ý:**  - Ông Giuốc-đanh đã mất *những* ba lần tiền cho lời khen của bốn chú thợ phụ.  *“Những”* trong câu văn trên là trợ từ, có chức năng năng nhấn mạnh số lượng nhiều *(ba lần tiền).*   * A! Thì ra Nhàn đã biết chuyện anh Hưng nói dối từ lâu rồi.   *“A!”* trong câu văn trên là thán từ, bộc lộ cảm xúc ngạc nhiên.  **Câu 4: Vì:**  - Đó là cơ sở (có thể thuộc về pháp lí) để người nhận kiến nghị giải quyết đúng sự việc.  - Đáp ứng chuẩn mực theo yêu cầu chung của VB hành chính.  - Tăng tính trân trọng trong giao tiếp, sự đúng đắn của vấn đề được trình bày, đề xuất.  **Câu 5: Những lưu ý khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội:**  - Chọn cách trình bày phù hợp với đối tượng người nghe, địa điểm và thời gian nói.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Kết hợp hình ảnh, video,...phù hợp để trình chiếu trong quá trình trình bày.  - Tìm hiểu vấn đề mình sẽ trình bày một cách cụ thể, cẩn thận  **Câu 6: Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa:**  - Qua các nhân vậtu hài kịch, chúng ta có thể nhận diện được những hành vi chưa đúng chuẩn mực trong đời sống, từ đó hình thành lối ứng xử phù hợp vơi văn minh của bản thân.  - Tiếng cười trong hài kịch góp phần giúp cho cuộc sống của chúng ta vui tươi, lạc quan hơn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Nhiệm vụ 2: Lập bảng thống kê theo mẫu** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS đọc mở rộng VB hài kịch ngoài sgk ở nhà và thống kê các tác phẩm đã đọc theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** | | …………… |  |  | | …………… |  |  | | …………… |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét bài làm của HS. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **…………………………………………**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **……………………………………**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **………………………………………..**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **………………………………………………..** | **(Kết hợp với phần vận dụng)** |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (GV giao bài tập)  **Bài tập:** *Cùng các bạn trong nhóm từ xây dựng kịch bản hài kịch về đề tài liên quan đến trường, lớp.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân hoàn thành bài tập, thuyết trình trước lớp và thảo luận.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Dự kiến sản phẩm của HS**  - Kịch bản HS đã xây dựng.  - HS đưa ra kinh nghiệm trong quá trình xây dựng kịch bản hài kịch.  - Kinh nghiệm rút ra được sau khi học bài học 5.  - Kế hoạch hoàn thiện bản thân trong tương lai.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  - Cho điểm hoặc phát thưởng.  1. Tìm đọc mở rộng các văn bản hài kịch.  2. Tập xây dựng kịch bản hài kịch.  3. Tham khảo các sách, tài liệu hướng dẫn kĩ năng viết cũng như kĩ năng thuyết trình để rèn luyện, nâng cao năng lực giao tiếp ngôn ngữ của bản thân.  4. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được từ bài học vào việc tham gia tổ chức các hoạt động ở trường và địa phương nơi em sinh sống. |  |

Tiết 72

TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 72** | **TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Thời lượng: 1 tiết** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Phát hiện và sửa những lỗi còn mắc phải trong bài văn.

- Biết trình bày trước lớp những suy nghĩ, tình cảm của mình trước vấn đề đặt ra.

- Nghe và nhận biết được cái hay, cái đẹp cũng như tính hấp dẫn của bài trình bày

**2. Phẩm chất:**

- Giáo dục HS có ý thức nghiêm túc, tự giác, tích cực trong khi trả bài.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Yêu thiên nhiên đất nước, tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Đề, đáp án và biểu điểm của bài kiểm tra.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** vở, viết

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Nhắc lại những nội dung đề bài kiểm tra học kỳI môn Ngữ văn mà các em đã làm?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, cá nhân lần lượt trình bày theo trí nhớ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Để đánh giá kết quả của bài làm và giúp các em thấy được ưu nhược điểm của bài làm, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập và đánh giá lại... | - HS nghe, trả lời theo yêu cầu  - Ghi bài |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: *Phân tích đề, nêu yêu cầu***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- Em hãy đọc lại đề kiểm tra đã thực hiện.*  *- Xác định cấu trúc của đề kiểm tra*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tìm hiểu đề.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS | 1. **Đề kiểm tra**   Cấu trúc đề kiểm tra gồm hai phần là “Đọc hiểu” (6 điểm) và “Làm văn” (4 điểm) |
| **Hoạt động 2. Xây dựng dàn bài** | |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Em hãy trình bày nội dung trả lời cho từng câu hỏi.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tìm hiểu câu trả lời cho từng câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời, các em khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, hình thành dàn bài. | ***II. Đáp án và biểu điểm.***  **\*Phần I: Đọc – hiểu văn bản:( 6,0 điểm)**  **\* Phần II. Tập làm văn(4.0 đ)** |
| **Hoạt động 3. Sửa sai** | |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tự đổi bài nhau để nhận xét, sửa lỗi  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Đọc bài và nhận xét, sửa lỗi  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày trước lớp.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá một số lỗi sai và cách sửa lỗi. | **III. Nhận xét:**  \* Một số lỗi sai:  \*Giải đáp thắc mắc của hs |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV: Lựa chọn một số bài viết tốt cho HS đọc tham khảo  *- Đọc một số bài văn có cách Mở bài và Kết bài hay.*  - Nhận bài;  - Đọc bài viết được lựa chọn;  - Đọc điểm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Xem lại bài viết của mình.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài viết được lựa chọn trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, vô điểm cho HS cả lớp. | **Đọc bài viết tốt, trả bài, vô điểm**  - Nhận bài;  - Đọc bài viết được lựa chọn;  - Đọc điểm.  *Hs* tích luỹ kinh nghiệm viết văn hay. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS nhận bài, xem lại bài, trao đổi với bạn để rút kinh nghiệm  -Kiểm tra một số lỗi được sửa trong bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đổi bài và sửa lỗi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày phần sửa lỗi của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: đưa những lỗi HS còn mắc nhiều đã ghi lại được trong quá trình chấm bài. | \* Trình bày phần sửa lỗi của mình |

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1. Chủ đề vừa học**

Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

- HS biết cách đọc hiểu một văn bản hài kịch:

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng, ...

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

+ Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

- Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị về một văn bản của đời sống.

- HS trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

**2. Chủ đề sắp học**

**Bài 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC**

- Nhận biết và phân tích được yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

- Nhận diện biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ, nêu được đặc điểm, tác dụng và lấy ví dụ minh họa.

- Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

- Quy trình nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Cách thức nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.